

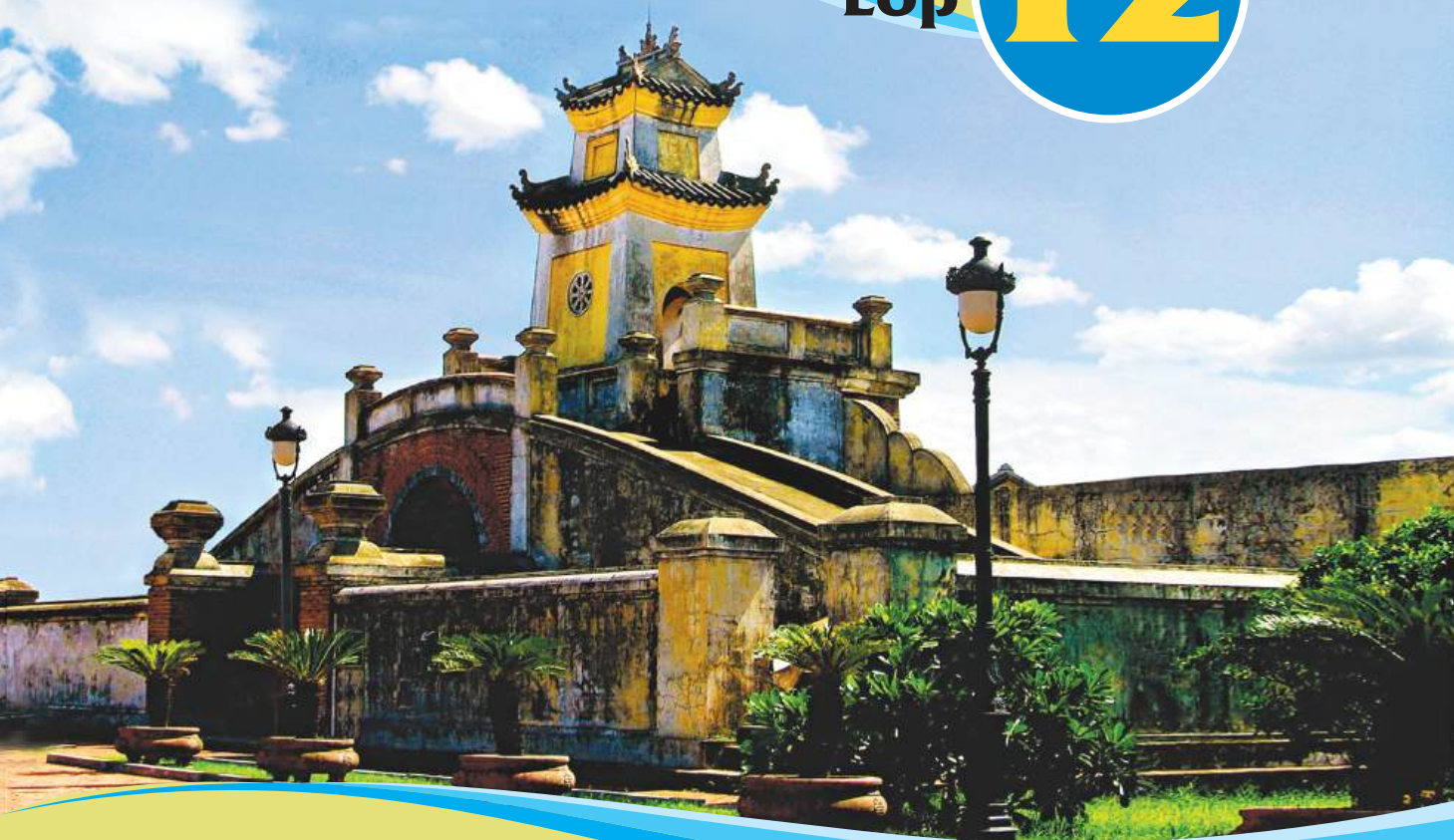


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH QUẢNG BÌNH

Lớp

12



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐOÀN THỊ THUYẾT HẠNH – HỒ GIANG LONG (Đồng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ KIỀU ANH – HỒ THỊ HƯƠNG – NGUYỄN PHƯƠNG LIÊN
ĐOÀN THỊ PHƯỢNG – HOÀNG GIA TRANG – HỒ THỊ HỒNG VÂN
TRẦN ĐẠI NGHĨA – DƯƠNG XUÂN SỰ – NGUYỄN THỊ NHƯ TRANG – LÊ THỊ HỒNG VÂN

Tài liệu
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH QUẢNG BÌNH **Lớp 12**

Kí hiệu và hướng dẫn sử dụng tài liệu



MỞ ĐẦU

Xác định nhiệm vụ, vấn đề học tập học sinh cần giải quyết; kết nối với những điều đã biết, nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy, tạo hứng thú vào bài học mới.



KIẾN THỨC MỚI

Với các nội dung (kênh hình, kênh chữ), thông qua các hoạt động học tập giúp học sinh khai thác, tiếp nhận kiến thức mới.



LUYỆN TẬP

Là các câu hỏi, bài tập, thực hành để củng cố kiến thức, rèn luyện các kĩ năng.



VẬN DỤNG

Sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh yêu quý!

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Bình lớp 12 giới thiệu cho các em một số vấn đề cơ bản, đặc trưng về lịch sử, văn hoá, địa lí, môi trường, xã hội địa phương. Từ đó, bồi dưỡng cho các em tình yêu, niềm tự hào, ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp của quê hương Quảng Bình yêu dấu.

Các bài học được thiết kế theo chuỗi hoạt động *Mở đầu, Kiến thức mới, Luyện tập, Vận dụng* nhằm giúp các em chủ động tiếp cận bài học và hình thành một số phẩm chất, năng lực cần thiết.

Khi sử dụng tài liệu, các em cần chú ý một số yêu cầu sau:

- Trước khi bắt đầu bài học, các em hãy đọc kĩ phần định hướng ở mục “Yêu cầu cần đạt”.
- Nhận biết chuỗi hoạt động qua kí hiệu ở đầu sách và thực hiện đầy đủ các hoạt động trong đó theo hướng dẫn của thầy cô.
- Các sơ đồ, bảng biểu ở phần câu hỏi, bài tập (nếu có) là để gợi ý. Khi trả lời câu hỏi và làm bài tập, các em không ghi trực tiếp vào tài liệu.

Chúc các em có những giờ học, hoạt động trải nghiệm thú vị và bổ ích cùng với *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Bình lớp 12*.

Các tác giả

MỤC LỤC

BÀI	NỘI DUNG	TRANG
1	Tín ngưỡng và phong tục, tập quán ở tỉnh Quảng Bình	5
2	Công cuộc đổi mới ở tỉnh Quảng Bình từ năm 1989 đến nay	15
3	Bác Hồ với nhân dân Quảng Bình	22
4	Vấn đề lao động, việc làm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Quảng Bình	27
5	Định hướng lựa chọn và xây dựng kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp	34
6	Chính sách phát triển kinh tế – xã hội, giáo dục và đào tạo ở tỉnh Quảng Bình	45
7	Chính sách an sinh xã hội ở tỉnh Quảng Bình	52
8	Sinh thái nhân văn ở tỉnh Quảng Bình	59
9	Ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh Quảng Bình	67
10	Kĩ năng ứng phó với một số tình huống nguy hiểm thường gặp trong cuộc sống cho học sinh ở tỉnh Quảng Bình	74

Bài 1. TÍN NGƯỠNG VÀ PHONG TỤC, TẬP QUÁN Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

Yêu cầu cần đạt:

- Nắm được khái niệm và nhận biết được những biểu hiện của tín ngưỡng, phong tục, tập quán ở Việt Nam.
- Trình bày được những nét chính về các loại hình tín ngưỡng và một số phong tục, tập quán tiêu biểu ở tỉnh Quảng Bình.
- Bước đầu có sự so sánh những biểu hiện của tín ngưỡng và phong tục, tập quán đó với cách biểu hiện cụ thể ở địa phương em.
- Phân tích, đánh giá được ý nghĩa và giá trị tốt đẹp của các tín ngưỡng và phong tục, tập quán ở tỉnh Quảng Bình.
- Thực hiện được một số việc làm phù hợp để giữ gìn, bảo tồn và lan toả những giá trị tích cực của tín ngưỡng và phong tục, tập quán ở tỉnh Quảng Bình.



Xem video về một số hoạt động tín ngưỡng và một số phong tục, tập quán ở tỉnh Quảng Bình.



1. Kể tên những hoạt động tín ngưỡng và phong tục, tập quán có trong video.
2. Chia sẻ những điều em biết về những hoạt động tín ngưỡng và phong tục, tập quán đó.



1. Tín ngưỡng

Tín ngưỡng được hiểu là niềm tin của con người thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng ⁽¹⁾.

(1) Theo Khoản 1, Điều 2 của Luật số 02/2016/QH14 của Quốc hội ngày 18 – 11 – 2016 về Luật Tín ngưỡng, tôn giáo

Có nhiều loại hình tín ngưỡng khác nhau dựa vào cách phân chia và góc độ tiếp cận. Tuy nhiên, có thể tạm xếp tín ngưỡng ở Việt Nam vào một số nhóm: tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và tín ngưỡng sùng bái con người.

Trong ba loại hình tín ngưỡng phổ biến ở Việt Nam, tại tỉnh Quảng Bình có tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và tín ngưỡng sùng bái con người.

Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên được cụ thể hoá qua hoạt động thờ cúng các vị thần tự nhiên gắn bó với đời sống, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp của con người và thông qua việc thực hiện các lễ nghi trong các lễ hội văn hoá truyền thống được tổ chức hàng năm tại Quảng Bình. Người dân Quảng Bình ngày trước chủ yếu sống bằng nghề nông, nghề đánh bắt thủy sản, hải sản và nghề đi rừng nên họ thường thờ cúng thần cá, thần rừng, thổ công, thổ địa và tổ chức các lễ hội liên quan đến mùa màng để thể hiện lòng biết ơn đối với các thần, đồng thời cầu an và mong muốn dân làng được phù hộ cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt.

Ở miền biển Quảng Bình, cá Voi (cá Ông) được xem như điểm tựa an lành bất diệt giữa biển khơi giông tố, bão bùng. Việc phụng thờ cá Ông chính là sự nương tựa vào biển cả và là biểu hiện của lòng biết ơn đối với nhiên thần vì đã che chở cho người dân mỗi chuyến ra khơi. Tín ngưỡng thờ cúng cá Voi và Lễ hội cầu ngư là một trong những biểu hiện nổi bật của tín ngưỡng sùng bái tự nhiên của người dân Quảng Bình và vẫn được tổ chức hàng năm tại xã Cảnh Dương (huyện Quảng Trạch), xã Lý Hoà (huyện Bố Trạch), xã Hải Ninh (huyện Quảng Ninh), xã Bảo Ninh (thành phố Đồng Hới),...

Đối với đồng bào ở các huyện miền núi Quảng Bình, ước mong lớn nhất chính là mùa màng bội thu, cuộc sống yên ấm. Vì thế, sinh hoạt tín ngưỡng phổ biến của họ là việc thờ cúng các vị thần liên quan đến các hoạt động trên như thần núi, thần đá (ôn tà đá), thần đất (ôn a tác), thần rừng (ôn sâm mờ gấu), thần lúa và các ma như ma bếp (cumych bếp), ma rừng rú (cumych brú),... Thần rừng được xem là vị thần bảo hộ quan trọng cho cuộc sống của họ, vì vậy cần phải



Hình 1.1. Làng biển Cảnh Dương (huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình) hiện thờ hai bộ xương cá Voi lớn nhất Việt Nam (thường gọi là Đức Ông, Đức Bà)



Hình 1.2. Già làng bắt đầu Lễ cúng thần Rừng ở bản Kè, xã Lâm Hoá, huyện Tuyên Hoá

tổ chức cúng thần để mưa thuận gió hoà, bản làng yên ổn, mùa màng bội thu, cuộc sống ấm no hạnh phúc. Một số nghi lễ gắn với tín ngưỡng sùng bái tự nhiên thường được tổ chức là Lễ cúng thần Rừng của người Mã Liềng, Lễ tria lúa của người Bru-Vân Kiều, Lễ hội đập trống của người Ma Coong, nghi lễ cầu an và cầu mưa của người Rục, Lễ hội mừng cơm mới của người Bru-Vân Kiều.

Cũng như tín ngưỡng sùng bái tự nhiên, tín ngưỡng sùng bái con người cũng được biểu hiện thông qua các hoạt động tín ngưỡng như thờ cúng và nghi lễ trong các lễ hội truyền thống.

Tại các địa phương trong tỉnh Quảng Bình hiện nay đang phổ biến các hoạt động thờ cúng những người anh hùng có công với làng, với nước; thờ Thánh Mẫu và thờ cúng tổ tiên. Đây được xem là nét đẹp văn hoá tâm linh của người dân, thể hiện đạo lí “uống nước nhớ nguồn” và tấm lòng thành kính biết ơn đối với các thế hệ đã có công với đất nước, làng xã hoặc có công sinh thành, nuôi dưỡng cháu con. Tại những địa danh linh thiêng, nơi những người anh hùng có công với đất nước ngã xuống, người dân lập ban thờ để mỗi dịp lễ tết hoặc khi đi qua họ có thể thành kính dâng hương tưởng nhớ như thờ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh (huyện Quảng Ninh), 13 chiến sĩ hi sinh ở hang Lèn Hà (huyện Tuyên Hoá), 8 liệt sĩ hi sinh trên Đường 20 Quyết Thắng (Hang Tám Cô, huyện Bố Trạch),... Đặc biệt, khu mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Vũng Chùa, Đảo Yến, huyện Quảng Trạch) hiện cũng đã trở thành điểm đến tâm linh của mỗi người dân Quảng Bình.

Đối với những người có công với làng xã, người dân Quảng Bình còn thực hiện các nghi lễ như: Lễ tưởng niệm Thành hoàng làng và các bậc khai canh thôn Thượng Phong (xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy), Lễ tưởng niệm Thành hoàng làng và các bậc khai canh làng Quảng Xá (xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh), Lễ tưởng niệm thần khai cư ở Thanh Trạch (huyện Bố Trạch), Lễ tưởng niệm Thành hoàng làng Lũ Phong (phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn),... và các hội làng như: hội làng Văn La, huyện Quảng Ninh; hội làng Cảnh Dương,



Hình 1.3. Lễ cúng cơm cho các anh hùng liệt sĩ trong hang Tám Cô



Hình 1.4. Lễ rước thần về đình làng Hoà Ninh, xã Quảng Hoà, thị xã Ba Đồn

huyện Quảng Trạch; hội làng Quảng Long, thị xã Ba Đồn),... Các lễ rước như: Lễ rước Tổ hát bội ở huyện Tuyên Hoá, Lễ rước sắc phong,...

Cũng như hầu hết các tỉnh thành trên đất nước Việt Nam, người dân Quảng Bình cũng chú trọng đến hoạt động thờ cúng tổ tiên.. Đây được coi là hoạt động củng cố quan hệ gia đình, họ tộc. Đạo hiếu của con cháu được thể hiện qua việc chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ khi già yếu, ốm đau; hương khói, thờ cúng cha mẹ, ông bà tổ tiên khi họ quá cố. Người ta tin rằng linh hồn con người là vĩnh hằng. Ông bà tổ tiên vẫn thường xuyên quan tâm, phù hộ cho con cháu. Bởi vậy, con cháu bày tỏ lòng thành kính của mình bằng tín ngưỡng “thờ cúng tổ tiên”. Nhà nào cũng lập bàn thờ gia tiên, đặt ở gian giữa, phía trong là nơi trang trọng nhất; Một số gia đình sống xa quê hương thường lập bàn thờ vọng để con cháu hương khói trong những ngày giỗ tết thờ tổ tiên, ông bà, bố mẹ; cúng kỵ vào ngày giỗ để tưởng nhớ ngày tiền bối mất; tổ chức ngày Xúi mả họ (tảo mộ hoặc đẩy mả/ chạp mả) vào dịp cuối năm, thông thường khoảng tháng 11 – 12 âm lịch.

Ở Quảng Bình đặc biệt có tín ngưỡng thờ Mẫu. Thánh Mẫu Liễu Hạnh là một trong bốn vị thánh với tên gọi “Tứ bất tử” được nhân dân tôn kính. Lễ giỗ Thánh Mẫu được tổ chức rất long trọng vào mùng 3 tháng 3 âm lịch hàng năm tại đền thờ ở xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch và trở thành hoạt động văn hoá – tâm linh đặc biệt của người dân Quảng Bình với ý nghĩa hướng về cội nguồn dân tộc, trân trọng khát vọng tự do và khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ.

Ngoài ra, người dân Quảng Bình còn có các hoạt động tín ngưỡng như cúng giỗ Tổ Hùng Vương, đi dâng hương lễ Phật, đi nhà thờ để bày tỏ lòng thành với Chúa, thờ Pụt,... Hoạt động tín ngưỡng ở Quảng Bình thường được tổ chức ở đình làng, đền, chùa, miếu, nhà thờ họ, tại gia đình và một số cơ sở khác mà người dân cho là địa điểm linh thiêng. Rất nhiều địa điểm diễn ra hoạt động tín ngưỡng đã được công nhận là di tích lịch sử cấp Quốc gia, cấp Tỉnh (đình Hoà Ninh thuộc xã Quảng Hoà, đình Phù Trích thuộc xã Quảng Lộc, đình Tượng Sơn thuộc phường Quảng Long, đình Lý Hoà thuộc xã Hải Trạch,...).



Hình 1.5. Đình làng Lý Hoà,
xã Hải Trạch, huyện Bố Trạch



Hình 1.6. Miếu Ông,
xã Trường Thủy, huyện Lệ Thủy

2. Phong tục, tập quán

Phong tục, tập quán được hiểu chung là những thói quen, nền nếp đã xuất hiện từ lâu đời trong mọi hoạt động sinh hoạt, đời sống thường nhật của người dân, lặp đi lặp lại để rồi trở thành một thói quen tốt được lan truyền rộng rãi, phổ biến sâu rộng từ thời xa xưa cho đến nay.

Phong tục, tập quán ở Quảng Bình khá đa dạng. Tuy nhiên, có thể tạm chia thành các loại phong tục, tập quán như: phong tục có liên quan đến quá trình lao động, làm ăn của con người và đặc biệt là những người làm nông nghiệp, làm hoa màu; các phong tục được hình thành trên cơ sở vòng đời của mỗi người; các phong tục được hình thành dựa trên hoạt động của con người có liên quan đến yếu tố thời tiết, yếu tố bốn mùa trong một năm. Dưới đây là một số phong tục, tập quán được hình thành trên cơ sở vòng đời của mỗi người hiện đang phổ biến ở tất cả các địa phương trong tỉnh Quảng Bình.

a. Hôn nhân

Người xưa cho rằng hôn nhân không chỉ là việc giữa hai người mà đây là chuyện có liên quan đến dòng tộc. Đặc trưng của hôn nhân là xác lập quan hệ giữa hai gia tộc, mặt khác hôn nhân là sự kết hợp duy nhất và thiêng liêng nhất để duy trì dòng dõi cũng như phát triển nguồn nhân lực. Bởi vậy, người xưa rất thận trọng trong việc đi hỏi vợ cho con. “Lấy vợ xem tông” nghĩa là không chỉ phải tìm hiểu người con gái về hình thức, đạo đức, tính tình, nền nếp,... như thế nào, có hội đủ cả “tứ đức” không mà còn xem lai lịch nhà gái từ nhiều đời xem gia đình có tử tế không, con cái sinh ra có khoẻ mạnh, ngoan hiền không. Ngược lại, gia đình nhà gái khi gả con cũng chọn chồng theo tiêu chuẩn “lấy chồng kén giống”. Nghĩa là cũng xem nòi giống nhà người con trai qua mấy đời có khoẻ mạnh không, có tử tế, có biết chăm chỉ làm ăn không. Một tiêu chuẩn nữa là nhà gái thường muốn gả con ở gần vì lo sợ con mình không quen tục lệ làng khác. Ngoài xét những yếu tố trên, người xưa còn cho rằng gia cảnh hai bên phải “môn đăng hộ đối” và đôi trai gái phải hợp tuổi nhau, vì có hợp thì cuộc sống mới thuận hoà, mới ăn ra làm nên, sinh con đẻ cái “mẹ tròn con vuông”.

Việc hôn nhân thường trải qua 5 lễ. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện vật chất và sự thoả thuận giữa gia đình hai bên để có thể tăng giảm các bước lễ cho phù hợp.

Lễ chạm ngõ: Đây là lễ đầu tiên nhà trai đến nhà gái để xem mặt cô dâu và hỏi tên tuổi, giờ ngày sinh tháng đẻ xem đôi nam nữ có hợp tuổi nhau không, người con gái có đồng ý gả không (mặc dù đã biết thông tin sơ bộ qua bà mối). Lễ vật gồm có một khay trầu cau, một chai rượu. Trong lễ này, nhà gái mời một số bà con, anh chị em ruột đến dự với mục đích đặt vấn đề và đồng thời “xem mặt bắt hình dong” nhà trai. Nếu nhà gái nhận lễ, mời bà con ăn miếng trầu, nhấp chút rượu thì coi như đã chấp thuận cho đôi trai gái chính thức tìm hiểu để tiến hành các lễ nghi tiếp theo. Từ lễ chạm ngõ đến lễ ăn hỏi thường không kéo dài, tối đa là ba tháng. Nếu trong khoảng thời gian này, một trong hai nhà đổi ý thì sẽ không có các lễ nghi tiếp theo và không ai phải đền ai.

Lễ ăn hỏi: Sau lễ chạm ngõ một thời gian, hai bên thống nhất để làm lễ ăn hỏi. Lễ vật gồm có chai rượu, gói trà, mâm trầu cau, bánh su-sê (phu thê), tất cả được đặt trong quả phù trang hay trên mâm thau phủ khăn điều do người nhà trai đội lên đầu đi đến nhà gái. Sau lễ ăn hỏi, người con trai mạnh dạn hơn khi tiếp xúc với gia đình vợ tương lai. Nhà trai sẽ dò xem nhà gái đang cần làm việc gì thì sẽ cho con trai đến “làm rể” giúp các việc như cày ruộng, lợp lại mái nhà, vót vành nón,... Thường ngày mồng năm Tết sẽ có tục đi sêu Tết (Tết vợ) tức là mang lễ vật đến biếu (có thể là một ít gạo nếp, đỗ xanh, gà vịt ngỗng, trái cây,...). Và để giữ phép lịch sự, thông thường nhà gái sẽ nhận một nửa, nửa kia xin biếu lại nhà trai. Ngày xưa, nếu đã ăn hỏi mà chưa sêu Tết đã xin cưới thì là “thất lễ”, bị nhà gái từ chối.



Hình 1.7. Tráp trầu cau trong 5 lễ của phong tục hôn nhân tại Quảng Bình

Lễ cưới: Sau khi được nhà gái đồng ý về dự định lễ cưới, nhà trai sẽ đi xem ngày lành tháng tốt hợp tuổi đôi vợ chồng tương lai. Sau đó nhà trai có mâm trầu rượu đến thưa chuyện về ngày giờ cử hành lễ cưới cùng nhà gái, khi nhà gái chấp thuận sẽ ra điều kiện thách cưới. Những nhà giàu có, bậc trung hay thách cưới còn nhà nghèo chỉ là sự thỏa thuận chừng mực để cô dâu có bộ quần áo mới trong ngày cưới. Thách cưới ngày xưa trước hết phải có bộ nữ trang: đôi áo dài, khăn the, quần lụa, chiếc nón, đôi guốc,... nhà khá hơn thì đôi hoa tai vàng, chiếc nhẫn và cả tiền bạc,... Về vật phẩm thì có mấy thúng gạo nếp, con lợn thịt, mấy lít rượu tăm,... Có trường hợp nhà gái thách cưới cao quá, nhà trai đành bỏ cuộc. Những vật phẩm này để làm cỗ thiết đãi họ mạc. Phía nhà trai cũng chuẩn bị cỗ bàn tương tự để mời bà con trong họ. Hai gia đình cho người đi mời từng nhà. Mời bậc trên thường có khay trầu, rượu. Nếu nhận lời thì cầm một miếng trầu hoặc nhấp chút rượu. Gia đình có tang khi được mời thì nói lời cảm ơn và kiêng không đến dự ngày cưới, sẽ đến chúc mừng sau. Ngày xưa, khách mời đến ăn thường không có quà mừng, chỉ người thân ruột thịt đưa một ít vật phẩm hỗ trợ.

Xin dâu, đón dâu, đưa dâu: Khi nhận được giờ xin dâu của nhà trai, nhà gái chuẩn bị đưa dâu. Nhà trai chuẩn bị đón dâu ở nhà mình, chuẩn bị một đoàn đến nhà gái đón dâu (rước dâu). Người dẫn đầu đoàn đón dâu phải là một vị cao niên, hiền lành, phúc hậu, vợ chồng hoà thuận, con cái đề huề. Ông trưởng đoàn mặc áo dài, đầu chít khăn, tay bưng hộp lễ vật. Nhà gái đón tiếp nhà trai đến cửa bằng một tràng pháo. Lễ vật nhà trai được dâng lên bàn thờ, bố cô dâu làm lễ cáo gia tiên, trong lễ phải có đại diện họ nhà trai. Xong lễ gia tiên, cô dâu chú rể phải đến nhà thờ họ nhà gái (nếu có nhà thờ) để làm lễ cáo tổ, trong lễ này có vị tộc trưởng nhà đến cùng làm lễ và chứng kiến. Khi đến giờ đưa dâu,

đại diện đoàn nhà gái sẽ có đủ các thành phần từ cao niên, trung niên đến các cháu nhỏ đưa cô dâu về nhà chồng. Có tục mẹ vợ không đưa con gái về nhà chồng. Trong dịp này, nhà gái trao món của hồi môn cho con gái, có thể là chiếc nhẫn, sợi dây chuyền vàng, tiền bạc,... Những nhà giàu có nhiều ruộng tư còn viết văn tự cắt một ít ruộng đất cho con gái trước sự chứng kiến của mọi người. Nhà trai chào đón nhà gái bằng tràng pháo nổ râm ran. Chú rể cô dâu đến chào cha mẹ rồi đến nhà thờ họ yết lễ (nếu có nhà thờ), xong về nhà lễ gia tiên. Cô dâu cùng chú rể đến trước mặt từng người thân thích để nhận lời chúc phúc hoặc lời khuyên. Nhà trai bố trí một ông cao niên vợ chồng hoà thuận, con cái đề huề, ăn nên làm ra trải chiếu lên giường cho đôi vợ chồng trẻ.

Lễ lại mặt: Theo phong tục truyền thống, sau ba ngày cưới, vợ chồng xin phép bố mẹ chồng về thăm nhà vợ gọi là “lại mặt”. Lễ vật mang theo đơn giản là con gà, đĩa xôi, trầu rượu để lễ gia tiên nhà bố vợ. Nhà nghèo thì chỉ 3 lá trầu, 3 quả cau và nậm rượu. Tuy nhiên, càng về sau, lễ này không còn và đôi vợ chồng mới cưới chỉ về thăm bố mẹ vợ chứ không mang theo lễ vật.

b. Huý nhật

Kỵ giỗ ngày mất của người qua đời được gọi là huý nhật. Ngày được chọn kỵ giỗ tùy theo quan niệm của mỗi vùng, miền. Ở Quảng Bình có một số quan niệm như “Trẻ co ra, già rút lại” (người mất còn trẻ thì cúng giỗ đúng ngày mất, nếu là người già thì cúng giỗ trước một ngày); quan niệm “Nam trời, nữ trệt” (người mất là nam thì cúng sau ngày mất một ngày, là nữ thì cúng trước một ngày). Thông thường có hai lần cúng cơm gọi là “cúng cơm hôm” vào chiều hôm trước và “cúng cơm chính” vào ngày hôm sau.

Đến huý nhật, người thân tập trung cúng giỗ. Giỗ cha mẹ thì anh em trai đóng góp (khi không có ruộng phụng tự) để lo toan. Chị em gái kẻ ít người nhiều tùy tâm mang đến nhà con trai để cùng lo liệu. Kỵ giỗ bậc ông bà trở nên thường được lấy từ phúc lợi của ruộng kỵ do ông bà tổ tiên để lại. Nếu cả chi, cả họ không có ruộng đất để lại thì cả chi cả họ góp tiền lại để mua ruộng kỵ. Ruộng kỵ được giao cho một người (thường là ông trưởng) hoặc cả họ luân phiên sản xuất, thu hoa lợi để chi vào ngày kỵ và ông trưởng phải lo mọi việc chu đáo. Không cần mời mọc, bà con nhớ ngày đó đến “ăn cúng”, không phải mang theo lễ vật gì.

Ngoài ra, còn có ruộng hậu. Thường những người không có con trai sợ về sau không ai hương khói, cúng giỗ nên đi mua ruộng hậu. Người có ruộng hậu giao cho một người tin cậy, tốt nhất là bà con gần nhận lấy sản xuất và lo cúng giỗ. Theo luật lệ phong kiến trước đây thì ruộng hậu là tư điền nhưng không được bán, cầm cố.

Thường giỗ cha mẹ bao giờ cũng to hơn, có cỗ mặn. Đây là giỗ trọng không chỉ bà con thân thích đến dự mà còn mời bạn hữu, xóm giềng. Ngày giỗ bậc xa hơn thì đơn giản hơn, nhiều khi làm một ít bánh, đặt ít trái cây và thắp hương khấn cáo.

Cách thức tổ chức huy nhật tiến hành khá chu tất. Bộ phận nấu nướng hoàn thành công việc, phải đàn ông bụng đặt lên giường thờ. Gia trưởng (làm chính bái), soát lại lễ vật xem đầy đủ thì ra hiệu cho “chấp sự” (thường em út) lên hương đèn, xong đứng khoanh tay hầu để nghe hiệu lệnh mà chấp hành. Có họ giàu sang có một, hai “nhà lễ” để xướng lệnh. Gia trưởng mặc áo thụng xanh hoặc áo dài đen, quần trắng, đầu chít khăn nhiễu tím hoặc khăn đóng. Theo lệnh của nhà lễ, tiến đến trước bàn thờ lạy 4 lạy rồi quỳ xuống, hai tay chấp vòng ngang ngực. Người chấp sự châm 3 que hương (nếu có nhiều lư hương thì mỗi lư hương đủ 3 que) và đưa cho gia trưởng; gia trưởng vái dài một cái rồi chuyển hương cho chấp sự cắm vào bát hương. Theo lệnh, người chấp sự châm tuần rượu thứ nhất, gia trưởng chấp tay ngang trán và khấn. Chấp sự châm tiếp tuần rượu thứ hai, rồi tuần rượu thứ ba, gia trưởng vái 3 vái. Sau đó, bà con lần lượt theo tôn ti, thứ bậc từ cao tới thấp tới lạy. Trong ngày kỵ, có dòng họ đem gia phả ra đọc cho con cháu nghe để chúng tưởng nhớ đến công lao của tổ tiên. Khi con cháu lạy xong, đem vàng mã ra đốt, đem chén rượu cúng vẩy lên tro tàn, nếu cúng gạo muối, nổ thì đem vung bố thí tứ phương.

c. Dẩy mã họ

“Dẩy mã” hay còn được gọi là tảo mộ, xúi mã hoặc chạp mã. Phong tục này có từ lâu đời và thời gian tiến hành phụ thuộc vào phong tục, tập quán của từng vùng miền. Tại các địa phương của tỉnh Quảng Bình, nhiều dòng họ, nhiều làng xã chọn một ngày trong tháng 12 âm lịch làm ngày đẩy mã. Thời gian này, thời tiết phù hợp, công việc đồng áng và chài lưới đã vãn; hơn nữa, đẩy mã trong tháng cuối năm cũng là để tổ tiên đón năm mới với ngôi mã gọn gàng, sạch sẽ, không có cỏ dại. Một số dòng họ lại kết hợp ngày đẩy mã họ với huy nhật ông tổ. Dẩy mã là ngày tập trung cả họ, con cháu họ nội không phải mời vì trách nhiệm của họ nội là phải có mặt, đóng góp theo suất và phụ trách công việc theo phân công. Bên họ ngoại thì họ nội cử người đi mời.



Hình 1.8. Dẩy mã họ ở Quảng Bình

Theo thông lệ, ngay từ sáng sớm, con cháu kẻ cuốc, người xẻng, người rửa, trẻ nhỏ cầm cào, chổi tập trung tại nghĩa địa. Tới đó, cả họ tập trung làm lễ cáo tại ngôi mã tổ để xin phép vong hồn tổ tiên cho con cháu được dọn dẹp. Sau lễ cáo, mỗi người một việc: nhổ cỏ, phát cây, quét dọn, vun đắp sao cho các ngôi mã được sạch sẽ, tròn trịa. Ngày trước, thường là mã đắp bằng đất cát nên chủ yếu là đẩy cỏ và vun mộ; một số ít nhà giàu có xây lăng thì sẽ quét dọn xung quanh lăng cho sạch sẽ. Dòng họ nào có nghĩa địa họ thì tập trung tại đó; dòng họ nào các ngôi mã nằm rải rác thì con cháu phân công người

đi dầy từng ngôi mả lẻ. Thường thì xúi mả tổ và những ngôi mả lẻ bậc trên trước, mả bậc dưới dầy sau. Tất cả các ngôi mả đều phải được xốt cỏ, riêng mả dài (mả chưa mãn tang) thì con cháu chỉ đặt lên mả 3 lát đất mới.

Trong khi số đông con cháu đi dầy mả tại nghĩa địa, phụ nữ ở nhà sẽ đi chợ mua sắm, làm heo, hông xôi,... làm mâm cỗ để đợi bộ phận đi dầy mả về làm lễ cúng. Lễ cúng được tổ chức tại nhà thờ họ, nếu không có nhà thờ họ thì tổ chức tại nhà trưởng họ vì ở đó có đặt lư hương ông tổ. Ông trưởng họ cúng đầu tiên, sau đó cứ theo thứ bậc mà thấp hương và lạ. Cỗ bàn cúng xong thì mời bên ngoại ăn trước, kế tiếp là mâm của người cao tuổi. Ngày trước, bàn ghế còn ít nên chỉ ưu tiên mâm có bàn ghế cho họ ngoại và người cao tuổi, còn tất cả con cháu trải chiếu ngồi, không đủ chiếu thì dùng nong.

Hiện nay, hầu hết nghĩa địa ở các địa phương trong tỉnh Quảng Bình có nhiều thay đổi, những ngôi mả bằng đất đã thay bằng các lăng mộ được xây kiên cố, thậm chí chạm trổ tinh vi, đầy nghệ thuật. Tuy nhiên, tập tục dầy mả họ vẫn được duy trì đều đặn bởi dầy mả họ không chỉ có mục đích là làm sạch cỏ cho ngôi mả mà còn là dịp để con cháu ở xa cùng nhau tụ họp, củng cố tình thân và cùng nhau nhớ về nguồn gốc, tổ tiên của mình.

(Nguồn: *Địa chí xã Thanh Trạch*, Nguyễn Tú, NXB Thuận Hoá, 1995;
Địa chí làng Văn La, Đỗ Duy Văn, Hội văn học nghệ thuật Quảng Bình, 2004;
Quảng Bình qua các thời kì lịch sử, Nhiều tác giả, Thư viện Quảng Bình, 1998)



1. Em hiểu thế nào là tín ngưỡng? Có những loại hình tín ngưỡng nào phổ biến ở Việt Nam ?
2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên ở Quảng Bình được biểu hiện qua các hoạt động nào? Kể tên một số hoạt động tín ngưỡng phổ biến ở Quảng Bình tiêu biểu cho loại hình tín ngưỡng sùng bái tự nhiên.
3. Trong loại hình tín ngưỡng sùng bái con người, ở Quảng Bình có những hoạt động tín ngưỡng nào?
4. Phong tục, tập quán là gì? Phong tục, tập quán được chia thành những loại nào?
5. Kể tên các lễ chính thuộc phong tục hôn nhân ở tỉnh Quảng Bình và nêu ý nghĩa của những lễ đó.
6. Kể tên các lễ chính thuộc phong tục hôn nhân ở tỉnh Quảng Bình và nêu ý nghĩa của những lễ đó.
7. Tập tục dầy mả họ thường được tiến hành vào thời gian nào, cách thức thực hiện ra sao? Theo em, tập tục này có ý nghĩa như thế nào trong đời sống tâm linh và đời sống văn hoá của người dân ở tỉnh Quảng Bình?



1. Từ hoạt động đọc khám phá văn bản, nhận xét về cách tác giả tạo lập một văn bản thông tin.
2. Viết bài văn thuyết minh để giới thiệu về một hoạt động tín ngưỡng hoặc một phong tục, tập quán ở địa phương em.
3. Có ý kiến cho rằng một số phong tục, tập quán có từ xưa không còn phù hợp với xã hội hiện đại ngày nay. Hãy viết đoạn văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ của em về ý kiến này.



1. Ở nơi em sinh sống có những hoạt động tín ngưỡng và phong tục, tập quán nào? Những biểu hiện của những tín ngưỡng và phong tục, tập quán đó có điểm gì giống và khác so với những thông tin em tìm hiểu trong bài? Hãy chia sẻ với các bạn những biểu hiện giống và khác đó.
2. Tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về phong tục, tập quán ăn, mặc, ở của người Quảng Bình.
3. Chia sẻ với các bạn một số việc nên làm để bảo tồn và phát huy những phong tục, tập quán tốt đẹp của người dân ở Quảng Bình.

Bài 2. CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở TỈNH QUẢNG BÌNH TỪ NĂM 1989 ĐẾN NAY

Yêu cầu cần đạt:

- Nêu được thuận lợi và khó khăn của tỉnh Quảng Bình khi bước vào công cuộc đổi mới.
- Trình bày được những thành tựu cơ bản trong công cuộc đổi mới ở Quảng Bình.
- Nêu được các bài học kinh nghiệm để áp dụng trong thời gian tới.



Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12 – 1986), Việt Nam bước vào thời kì đổi mới. Cùng với cả nước, tỉnh Quảng Bình đã đạt được nhiều thành tựu góp phần quan trọng và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.



Chia sẻ hiểu biết của em về một số thành tựu trong công cuộc đổi mới của tỉnh Quảng Bình.



Hình 2.1. Thành phố Đồng Hới
bên dòng sông Nhật Lệ



1. Những thuận lợi và khó khăn của tỉnh Quảng Bình khi bước vào công cuộc đổi mới

Sau ngày đất nước thống nhất, ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và khu vực Vĩnh Linh hợp nhất thành tỉnh Bình Trị Thiên. Tuy nhiên, để phát huy tính chủ động, tích cực sáng tạo và sức mạnh nội lực của từng địa phương, đến năm 1989, tỉnh Bình Trị Thiên được tách thành ba tỉnh (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế) theo địa giới hành chính cũ. Ngày 1 – 7 – 1989, tỉnh Quảng Bình được tái lập và chính thức đi vào hoạt động.

a. Thuận lợi

Khi tiến hành đổi mới, tỉnh Quảng Bình có một số thuận lợi cơ bản như sau:

Thứ nhất, việc tái lập tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo, điều hành quản lý sâu sát cơ sở.

Thứ hai, sau khi đất nước thống nhất, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã hình thành được một số cơ sở hạ tầng ban đầu phục vụ được sản xuất và đời sống nhân dân.

Thứ ba, Quảng Bình có một lực lượng lao động dồi dào, đội ngũ cán bộ có trình độ văn hoá, khoa học kĩ thuật, có khả năng sử dụng công nghệ và kĩ thuật tiên tiến.

Thứ tư, Quảng Bình còn có những danh thắng nổi tiếng như Phong Nha, Đá Nhảy (Bố Trạch), bãi tắm Nhật Lệ (Đồng Hới), suối khoáng nóng Bang (Lệ Thủy),... cùng kho tàng văn hoá dân gian độc đáo là thế mạnh để phát triển du lịch, tăng cường giao lưu trong nước và quốc tế tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương.

b. Khó khăn

Quảng Bình vốn là địa bàn có điều kiện tự nhiên phức tạp, bị chia cắt bởi hình thế núi, đồi và các con sông chạy ngang. Vì vậy, bốn vùng sinh thái gồm vùng núi, vùng gò đồi, vùng đồng bằng và vùng cát ven biển đều không liên mạch, diện tích manh mún, trở ngại rất lớn cho việc quy hoạch kinh tế ngành và kinh tế lãnh thổ theo hướng sản xuất lớn.

Khí hậu thời tiết Quảng Bình khắc nghiệt, thiên tai xảy ra thường xuyên gây khó khăn và tổn thất lớn trong sản xuất và đời sống.

Đất đai phân tán, chia cắt, độ phì nhiêu ít, độ dốc lớn nên hàng năm bị xói mòn nghiêm trọng. Chi phí vật chất trên một đơn vị sản phẩm cao, hiệu quả kinh tế thấp, trình độ thâm canh chưa đồng đều, có nhiều vùng năng suất còn thấp.

Những ngày đầu mới tách tỉnh, hậu quả chiến tranh vẫn còn nặng nề, cơ sở vật chất, hạ tầng kĩ thuật và những yếu tố vật chất bảo đảm cho sản xuất còn thiếu thốn,...

Các ngành kinh tế chủ yếu bị đình đốn, lâm vào tình trạng suy thoái. Sản xuất trong tỉnh không đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, một số nhu cầu thiết yếu của đời sống chỉ cân đối được ở mức thấp. Giá cả thị trường không ổn định, ngân sách bội chi lớn. Bình quân lương thực đầu người đạt thấp.



Trình bày những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành công cuộc đổi mới của tỉnh Quảng Bình.

2. Thành tựu cơ bản trong công cuộc đổi mới ở tỉnh Quảng Bình

a. Chính trị, an ninh, quốc phòng

Trong quá trình đổi mới, Đảng bộ luôn chú trọng và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, trở thành bài học hàng đầu, xuyên suốt

trong mọi giai đoạn của cách mạng. Công tác xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả được coi trọng. Công tác cải cách hành chính được quan tâm; thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp. Các chỉ số về cải cách hành chính, năng lực cạnh tranh, hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh được cải thiện. Chỉ số SIPAS năm 2022 xếp hạng 28/63 tỉnh, thành phố, tăng 32 bậc so với năm 2021; chỉ số PCI tăng 9 bậc so với năm 2021, xếp hạng 48/63; lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính của PAR Index xếp hạng 14/63, tăng 20 bậc.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội phát huy tốt vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp uỷ, chính quyền các cấp; sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng Quân sự, Công an, Biên phòng với các cơ quan, ban ngành đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở và sự đồng thuận của Nhân dân, công tác Quốc phòng – An ninh đã đạt được những kết quả quan trọng. Nổi bật là tiềm lực Quốc phòng – An ninh được củng cố, thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc; tình hình an ninh chính trị trên địa bàn ổn định, phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; ngoại giao kinh tế với một số địa phương, tổ chức của các nước Cu-ba, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Ô-xtrây-li-a, ASEAN, châu Âu,... được tăng cường; quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với các tỉnh của nước bạn Lào được đẩy mạnh. Hằng năm, tỉnh trích ngân sách để hỗ trợ các tỉnh của nước bạn Lào xây trường học, trạm y tế, nhà truyền thống (xây Trường Hữu nghị Quảng Bình – Khăm Muôn với tổng kinh phí trên 20 tỉ đồng; xây tặng tỉnh Khăm Muôn trạm Y tế với trị giá trên 3 tỉ đồng; xây tặng tỉnh Sạ-văn-na-khệt nhà trưng bày truyền thống đường 9, trường mẫu giáo trên 10 tỉ đồng,...)

Những thành tựu trên không chỉ đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng bộ tỉnh mà còn là kết tinh của tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của nhân dân nhằm khắc phục khó khăn, phát huy nội lực, khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, đưa tỉnh nhà phát triển toàn diện.

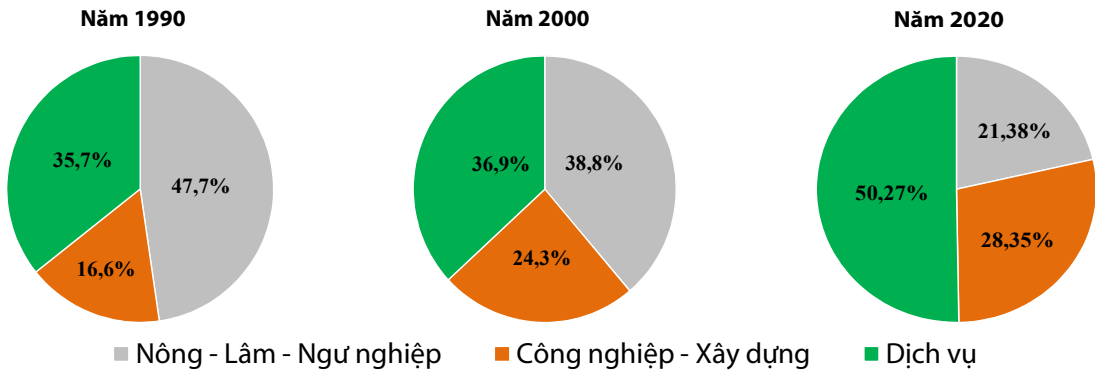


Nêu những thành tựu nổi bật về chính trị, quốc phòng – an ninh của tỉnh Quảng Bình trong thời kì đổi mới.

b. Kinh tế

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh Quảng Bình, từ 1989 đến nay, thông qua các kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm với chương trình, kế hoạch cụ thể, tỉnh đã tập trung mọi nguồn lực để phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Sau 35 năm tái lập tỉnh và tiến hành công cuộc đổi mới, Quảng Bình đã khắc phục được tình trạng trì trệ, đưa nền kinh tế từng bước ổn định, phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, quy mô nền kinh tế không ngừng được nâng lên. GRDP bình quân đầu người được cải thiện đáng kể, năm 1990 là 0,46 triệu đồng, đến năm 2021 lên 49,3 triệu đồng, năm 2023 lên 60 triệu đồng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỉ trọng công nghiệp, dịch vụ.



Hình 2.2. Biểu đồ cơ cấu kinh tế tỉnh Quảng Bình qua các năm

Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của tỉnh được đầu tư ngày càng đồng bộ, hiện đại. Một số công trình hạ tầng giao thông quan trọng được xây dựng và phát huy hiệu quả như: Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, sân bay Đồng Hới, cầu Gianh, cầu Quán Hàu, cầu Nhật Lệ 1 và 2, cầu Trung Quán, đường nối Khu kinh tế Hòn La với Khu công nghiệp xi măng tập trung ở xã Tiến Hoá, Châu Hoá, Văn Hoá (huyện Tuyên Hoá), đường Võ Nguyên Giáp, hệ thống đường từ cầu Nhật Lệ 2 đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông, các tuyến đường nối trục Đông – Tây, các tuyến đường nội thành thành phố Đồng Hới,...



Hình 2.3. Khu kinh tế Hòn La

Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới được triển khai sâu rộng và đạt được kết quả tích cực. Kết cấu hạ tầng nông thôn tiếp tục được đầu tư, đời sống nhân dân được cải thiện, bộ mặt nông thôn đổi mới toàn diện, số xã đạt tiêu chí nông thôn mới ngày một tăng cao. Đến năm 2023, có 94/128 xã đạt nông thôn mới, đạt 73,4%; trong đó, 9 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.



Hình 2.4. Một góc nông thôn mới ở tỉnh Quảng Bình

Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư ngày càng đổi mới; môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện mạnh mẽ với các cơ chế, chính sách phù hợp; nhờ đó, ngày càng thu hút được nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến nghiên cứu, khảo sát, triển khai thực hiện nhiều công trình, dự án có quy mô lớn, có thương hiệu quốc tế.



Đọc thông tin và quan sát hình 2.2, em có nhận xét gì về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Quảng Bình từ sau đổi mới?

c. Xã hội

Lĩnh vực xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác bảo đảm an sinh xã hội được chú trọng. Các chính sách xã hội, chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công được thực hiện đầy đủ, kịp thời, chu đáo. Phong trào “Đền ơn, đáp nghĩa”, các hoạt động nhân đạo, từ thiện đã mang lại kết quả cao, góp phần phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, “Thương người như thể thương thân”.

Chương trình giảm nghèo bền vững được triển khai thực hiện có hiệu quả; tỉ lệ hộ nghèo từ 44,4% năm 1993 giảm xuống còn 3,3% năm 2021, giai đoạn 2021 – 2023 bình quân giảm 2.924 hộ/năm.

Tình hình lao động và việc làm trong những năm qua được tỉnh quan tâm giải quyết. Cùng với việc mở mang các chương trình phát triển kinh tế trọng điểm, đa dạng hoá ngành nghề, loại hình kinh tế, tỉnh đã ban hành chính sách tạo môi trường thuận lợi để giải quyết việc làm cho người lao động.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng được quan tâm. Hệ thống y tế được sắp xếp, kiện toàn, năng lực chuyên môn ngày càng được nâng cao. Cơ sở vật chất và trang thiết bị ngành y tế được đầu tư nâng cấp, đầu tư mới đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Em có biết?

Quảng Bình là địa phương đầu tiên trong cả nước đạt tiêu chí loại trừ bệnh phong quy mô cấp huyện vào năm 2015. Đến nay, mạng lưới y tế phủ kín 100% địa bàn. Tỉ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,5% (năm 2023).



Nêu những chuyển biến về xã hội của tỉnh Quảng Bình trong quá trình đổi mới?

d. Văn hoá, giáo dục

Các phong trào, cuộc vận động xây dựng đời sống văn hoá, nông thôn mới, “đô thị văn minh” ngày càng phát triển sâu rộng, góp phần tạo nếp sống văn minh ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và khu dân cư.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá tiếp tục đạt nhiều kết quả quan trọng.



Hình 2.5. Di sản thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng



Hình 2.6. Hội Bài chòi

Em có biết?

Toàn tỉnh có 2 di sản văn hoá phi vật thể đại diện nhân loại; 10 di sản văn hoá phi vật thể quốc gia; 142 di tích, trong đó có 56 di tích cấp quốc gia và quốc gia đặc biệt, 86 di tích cấp tỉnh. Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng và 18 điểm di tích thuộc hệ thống di tích đường Hồ Chí Minh trên đất Quảng Bình được Thủ tướng Chính phủ công nhận là Di tích quốc gia đặc biệt. Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng 2 lần được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới (năm 2003 và năm 2015).

Hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao có nhiều tiến bộ; nhiều nghệ sĩ, nghệ nhân đạt giải thưởng của các bộ, ngành Trung ương. Phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” không ngừng phát triển. Thể thao đạt thành tích cao tiếp tục đưa Quảng Bình vươn tầm khu vực và thế giới. Các vận động viên của tỉnh đã đạt 9 huy chương tại SEA Games 31, 8 huy chương tại SEA Games 32.

Các hoạt động thông tin tuyên truyền, chuyển đổi số được đẩy mạnh, góp phần tích cực trong việc nâng cao dân trí, thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế của địa phương.

Quy mô và chất lượng giáo dục được mở rộng, hoàn thiện. Hệ thống giáo dục chuyên nghiệp, dạy nghề được tổ chức lại. Học sinh Quảng Bình tích cực tham gia các kì thi quốc gia, khu vực, quốc tế và đạt thành tích cao, trở thành niềm tự hào của giáo dục tỉnh nhà.



Trình bày một số thành tựu trong công cuộc đổi mới về văn hoá, giáo dục ở tỉnh Quảng Bình.

3. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn đổi mới, tại các kì Đại hội Đảng của tỉnh đã rút ra được những bài học kinh nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

Thứ nhất, kiên trì thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, kịp thời đề ra các chính sách đúng đắn, vận dụng sáng tạo vào thực tế của địa phương phù hợp trong từng giai đoạn cụ thể để phát huy được nội lực, sức sáng tạo của nhân dân, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Thứ hai, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Thứ ba, phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương, đồng thời tranh thủ các nguồn lực bên ngoài trong phát triển kinh tế – xã hội.

Thứ tư, đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội để tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế. Gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng, tiến bộ xã hội.

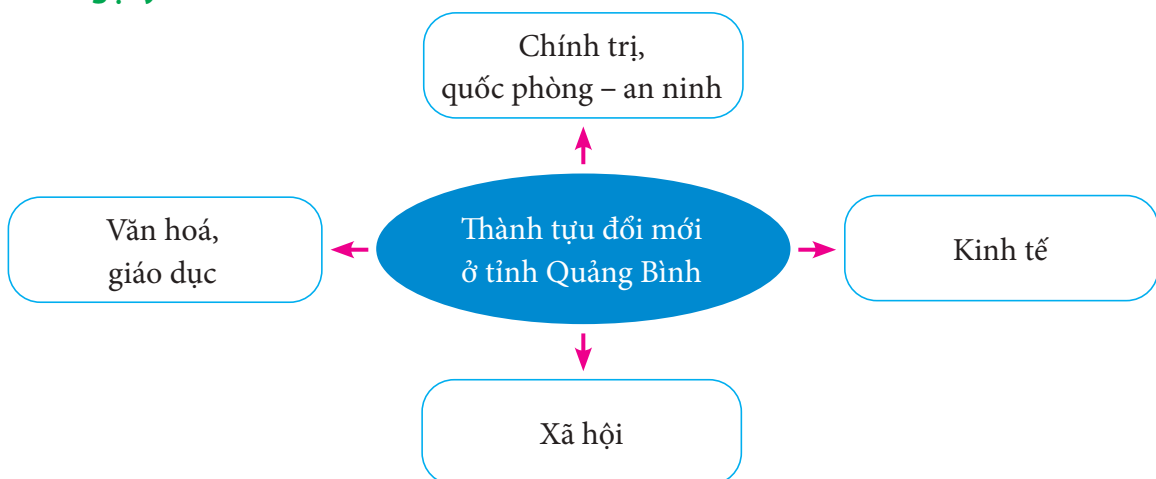
Những thành tựu đạt được và kinh nghiệm đúc rút trong phát triển kinh tế – xã hội tạo tiền đề vững chắc để Quảng Bình tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá quê hương, đất nước.



Những bài học kinh nghiệm nào được rút ra từ thực tiễn đổi mới của tỉnh Quảng Bình?



Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những thành tựu của công cuộc đổi mới ở tỉnh Quảng Bình theo gợi ý sau:



Thảo luận và chia sẻ giải pháp nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh trong công cuộc đổi mới ở địa phương em.

Bài 3. BÁC HỒ VỚI NHÂN DÂN QUẢNG BÌNH

Yêu cầu cần đạt:

- Trình bày hoặc kể lại được câu chuyện, sự kiện lịch sử về Bác Hồ với nhân dân Quảng Bình.
- Hiểu được tình cảm của Bác Hồ đối với nhân dân Quảng Bình và tình cảm của nhân dân Quảng Bình đối với Bác.
- Sưu tầm và giới thiệu những hình ảnh, sự kiện, câu chuyện,... về Bác Hồ với nhân dân Quảng Bình.
- Nêu được những thành tích nổi bật của quân dân Quảng Bình để thực hiện lời dạy của Bác.



Ngày 13 – 6 – 2020, Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân Quảng Bình đã chính thức được khánh thành. Tượng đài được đặt tại Quảng trường trung tâm thành phố Đồng Hới – vị trí trước đây là sân vận động nơi Bác Hồ nói chuyện với nhân dân Quảng Bình, Vĩnh Linh ngày 16 – 6 – 1957. Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân Quảng Bình là ước nguyện thiêng liêng của cấp uỷ, chính quyền, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và nhân dân Quảng Bình nhằm ghi dấu sự kiện lịch sử trọng đại – ngày Bác Hồ về thăm Quảng Bình.



Hình 3.1. Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân Quảng Bình



Theo em, việc xây dựng Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân Quảng Bình thể hiện điều gì?



1. Dấu chân Bác Hồ trên mảnh đất Quảng Bình

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành trọn cuộc đời mình cho Đảng, cho dân, cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam. Đối với Quảng Bình, dù bận trăm công nghìn việc nhưng Bác luôn dõi theo và dành cho vùng đất lửa anh hùng này sự quan tâm đặc biệt. Tuy Bác đã đi xa nhưng tình cảm yêu thương của Người còn đọng mãi trong lòng mỗi người dân Quảng Bình.

Ngày 16 – 6 – 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh vào thăm Quảng Bình. Đúng 8 giờ 15 phút, chiếc máy bay chở Bác hạ cánh xuống sân bay Lộc Đại (nay là Cảng hàng không Đồng Hới). Nhân dân Quảng Bình đón Bác trong niềm vui dâng trào. Từ sân bay, đoàn xe chở Bác về trụ sở Ủy ban Hành chính tỉnh.

Tại trụ sở Ủy ban Hành chính tỉnh, Bác đã gặp gỡ và làm việc với các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Bác hỏi về công tác xây dựng Đảng, nhấn mạnh tình đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân. Bác dành nhiều tình cảm và sự quan tâm đến các thiếu niên, nhi đồng, chị em phụ nữ, phụ lão và đồng bào miền núi.

15 giờ ngày 16 – 6 – 1957, tại Hội trường Tỉnh uỷ (nay là Bảo tàng tỉnh), nói chuyện với đại biểu cốt cán tỉnh Quảng Bình và đặc khu Vĩnh Linh, Bác khen ngợi những đóng góp của nhân dân hai địa phương trong sự nghiệp cách mạng cả nước. Bác đặc biệt căn dặn Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình phải đoàn kết một lòng vượt qua khó khăn, gian khổ để đi đến thắng lợi. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thật gương mẫu, nói đi đôi với làm và phải làm thực sự tốt như vậy dân mới tin, yêu và làm theo. Đồng thời, Bác cũng chỉ ra những “căn bệnh” có hại cho Đảng cần phải



Hình 3.2. Bia di tích sân bay Lộc Đại



Hình 3.3. Địa điểm hội trường Tỉnh uỷ, nay là Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình

tránh như: *Ốc suy bì tị nạnh kèn cựa đái ngộ*, *“cứ ngồi lo tiền đồ”*, *“óc công thần”*, *“tự do cá nhân”*, *“thiếu ý thức tổ chức kỉ luật”*, *“lãng phí của công”*, *“không thích học tập”*, *“kém đoàn kết”*.

16 giờ chiều ngày 16 – 6 – 1957, tại sân vận động Đồng Hới (quảng trường Hồ Chí Minh), Bác đã gặp gỡ hơn 3 vạn đồng bào, cán bộ, chiến sĩ Quảng Bình và đặc khu Vĩnh Linh. Bác nói: *“Hôm nay trong buổi nói chuyện này có đông đảo đại biểu, tôi thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ đưa đến nhân dân lời chúc thân ái”*. Sau đó, Người nêu một số thành tích Quảng Bình đã đạt được, những khuyết điểm cần sửa chữa và một số nhiệm vụ như: tham gia ủng hộ sửa sai tốt, gọn; đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm; sòng phẳng trả nợ của Chính phủ – phải đóng thuế tốt và kịp thời; thu mua lâm, thổ sản; vệ sinh phòng bệnh; bình dân học vụ, thanh toán nạn mù chữ; giúp đỡ chiến sĩ phục viên, thương binh, gia đình liệt sĩ, quân nhân, đồng bào miền Nam tập kết;...



Hình 3.4. Bác Hồ trên khán đài sân vận động Đồng Hới

Sau khi phân tích tình hình cách mạng cả nước, Bác đã căn dặn đồng bào, chiến sĩ Quảng Bình, Vĩnh Linh: *“Quảng Bình cùng với Vĩnh Linh ở tuyến đầu miền Bắc, tiếp giáp với miền Nam, mọi việc làm tốt hay xấu của các cô, các chú ở đây đều có ý nghĩa nhất định đến cách mạng miền Nam, đều có ảnh hưởng đến việc bảo vệ miền Bắc. Nếu kẻ địch có hành động liều lĩnh gì thì Quảng Bình, Vĩnh Linh phải đương đầu với chúng trước hết và phải đảm bảo đánh thắng chúng trước hết”*.

Sau lời hứa từ các đồng chí lãnh đạo tỉnh, Bác bắt nhịp mời toàn thể đồng bào, đồng chí hát bài *“Kết đoàn, chúng ta là sức mạnh”*. Sáng ngày 17 – 6 – 1957, trước khi lên máy bay về Hà Nội, Người lưu luyến tạm biệt đồng bào, cán bộ, chiến sĩ Quảng Bình với lời hẹn: *“Bác về rồi Bác lại vô!”*.

Sau này, vào tháng 5 – 1965, khi đồng chí Nguyễn Tư Thoan, Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Bình ra Hà Nội dự Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng mở rộng, Bác căn dặn đồng chí Nguyễn Tư Thoan: *“Đảng lãnh đạo cách mạng giành độc lập tự do để đưa lại cơm no áo ấm cho nhân dân. Sở dĩ nhân dân Quảng Bình chiến đấu anh dũng vì bà con tin vào Đảng. Chú về báo cáo lại với Tỉnh uỷ là vô luận tình hình chiến tranh phát triển như thế nào, ác liệt đến đâu, Đảng cũng phải chăm lo đời sống cho dân”*.

Thực hiện lời Bác Hồ dạy, hơn 70 năm qua, tỉnh Quảng Bình luôn nỗ lực phấn đấu và đạt được những thành tựu to lớn, thể hiện tình cảm, ý chí và khát vọng vươn lên của mỗi người dân quê hương *“Hai giới”*, luôn đoàn kết, đi theo con đường mà Đảng và Bác Hồ kính yêu đã lựa chọn.



1. Bác Hồ vào thăm tỉnh Quảng Bình vào thời gian nào? Bác Hồ vào thăm tỉnh Quảng Bình thể hiện điều gì?
2. Bác đã căn dặn cán bộ, nhân dân Quảng Bình những điều gì?

2. Quảng Bình thực hiện lời dạy của Bác Hồ

Ngay sau ngày Bác Hồ về thăm, tỉnh Quảng Bình đã phát động toàn dân đẩy mạnh các phong trào thi đua trên mọi lĩnh vực, khắc phục khuyết điểm, phát huy các ưu điểm, quyết tâm thực hiện tốt những lời Bác dạy.

Trong thời kì kháng chiến chống Mỹ, Quảng Bình luôn chắc tay cày, vững tay súng, *“Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”*, tất cả vì miền Nam ruột thịt. Ngày 17 – 7 – 1965, Bác Hồ đã gửi thư khen quân và dân Quảng Bình bắn rơi chiếc máy bay thứ 100 của đế quốc Mỹ và thu hoạch một vụ chiêm bội thu: *“Bác rất vui lòng thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ khen ngợi đồng bào, bộ đội và cán bộ Quảng Bình đã bắn rơi 100 máy bay giặc Mỹ, vừa qua lại thu hoạch vụ chiêm rất tốt. Như vậy tỉnh nhà chiến đấu giỏi, sản xuất cũng giỏi”*.

Với những thành tích đạt được, ngày 29 – 8 – 1965, Hồ Chủ tịch kí Sắc lệnh tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất cho quân và dân Quảng Bình. Sự quan tâm của Bác, những lá thư khen và tình cảm của Bác chính là nguồn cổ vũ quân và dân Quảng Bình vượt qua muôn ngàn gian khổ, góp sức vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Cùng với những chiến công trên mặt trận quân sự, nhân dân Quảng Bình hăng hái thi đua, lao động sản xuất, trong đó có Hợp tác xã Đại Phong (Lệ Thủy) vinh dự được Bác Hồ 2 lần viết bài ca ngợi đăng trên báo Nhân Dân. Người nêu gương, cổ vũ Đại Phong và kêu gọi các tỉnh miền Bắc thi đua *“Học tập Đại Phong, đuổi kịp Đại Phong, vượt Đại Phong”*. Ngày 20 – 5 – 1968, Hợp tác xã Đại Phong được Bác gửi tặng chiếc máy cày DT54. Đại Phong trở thành lá cờ đầu trong phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, thổi bùng lên một luồng gió mới trong lao động sản xuất ở miền Bắc.



Hình 3.5. Chiếc máy cày DT54 Bác Hồ tặng Hợp tác xã Đại Phong được lưu giữ trong khuôn viên Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình

Khi hoà bình lập lại, tỉnh Quảng Bình đã cố gắng, nỗ lực khắc phục hậu quả của chiến tranh và đạt được những thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế – xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, giữ vững quốc phòng – an ninh,... Quảng Bình đã phát huy được “những thứ đặc biệt mà các nơi khác trên miền Bắc ít có”, “biết dùng đúng và dùng tốt tài nguyên, lao động của mình” đóng góp vào thắng lợi chung của sự nghiệp đổi mới đất nước.



Thực hiện lời dạy của Bác Hồ, quân và dân Quảng Bình đã lập được những thành tích gì trong chiến đấu và xây dựng quê hương?



1. Kể lại sự kiện Bác Hồ về thăm tỉnh Quảng Bình dựa vào những gợi ý sau:

1

Thời gian Bác Hồ về thăm Quảng Bình

2

Những địa điểm Bác Hồ đã đến

3

Những chỉ dẫn, lời căn dặn của Bác Hồ với cán bộ, nhân dân

2. Chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ của em về tình cảm của Bác Hồ với Quảng Bình.



Sưu tầm, giới thiệu và chia sẻ những câu chuyện, sự kiện, ảnh, di tích,... thể hiện tình cảm, sự quan tâm của Bác Hồ với Quảng Bình và của Quảng Bình với Bác.

Bài 4. VẤN ĐỀ LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC TỈNH QUẢNG BÌNH

Yêu cầu cần đạt:

- Nêu được đặc điểm nguồn lao động và tình hình sử dụng lao động ở tỉnh Quảng Bình.
- Trình bày được thực trạng vấn đề việc làm, phương hướng giải quyết việc làm của tỉnh Quảng Bình.
- Trình bày và giải thích được giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Quảng Bình trước tác động của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.



Nguồn lao động có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Bình. Lực lượng lao động, tình hình sử dụng lao động, thực trạng vấn đề việc làm của tỉnh Quảng Bình như thế nào? Quảng Bình có những định hướng gì trong việc giải quyết việc làm, phát triển thị trường lao động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trước tác động của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ⁽¹⁾?



1. Đặc điểm nguồn lao động

a. Số lượng

Quảng Bình có nguồn lao động khá dồi dào, chiếm tỉ lệ cao trong tổng số dân. Năm 2022, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của toàn tỉnh khoảng 434 769 người, chiếm 47,6% tổng số dân.

(1) Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư là một thuật ngữ dùng để chỉ sự kết hợp các công nghệ thông minh như trí tuệ nhân tạo, máy học, internet, robot,... để tối ưu hoá quy trình và phương thức sản xuất, kinh doanh và quản lí. Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư có tác động sâu sắc đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị và văn hoá của thế giới, với một số phát minh lớn như: IoT (Internet of Thing – Internet vạn vật); AI (Trí tuệ nhân tạo); Big Data (Dữ liệu lớn); Công nghệ sinh học.

Bảng 5.1. Số lượng lao động và tỉ lệ lao động so với tổng số dân của Quảng Bình giai đoạn 2015 – 2022

Tiêu chí \ Năm	2015	2018	2020	2022
Số lao động (Người)	531 945	527 749	505 258	434 769
Tỉ lệ so với tổng số dân (%)	60,0	59,2	56	47,6

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2022)

Bảng 5.2. Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo giới tính và phân theo thành thị, nông thôn giai đoạn 2018 – 2022

(Đơn vị: %)

Tiêu chí \ Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Phân theo giới tính					
Tỉ lệ lao động nam	55,9	50,1	50,7	52,3	52,2
Tỉ lệ lao động nữ	41,1	49,9	49,3	47,7	47,8
Phân theo thành thị, nông thôn					
Tỉ lệ lao động thành thị	20,0	20,4	20,7	24,0	24,6
Tỉ lệ lao động nông thôn	80,0	79,6	79,4	76,0	75,4

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2022)

b. Chất lượng

Người lao động Quảng Bình chủ yếu là lao động trẻ, thông minh, cần cù, chịu khó, ham học hỏi, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, trình độ lao động có chuyên môn kỹ thuật còn thấp, nhiều lao động vẫn làm việc trái ngành, trái nghề được đào tạo,... Trong những năm qua, Quảng Bình luôn chú trọng nâng cao chất lượng nguồn lao động, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh.

Bảng 5.3. Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo, có bằng cấp chứng chỉ từ sơ cấp nghề trở lên qua các năm

(Đơn vị: %)

Năm	2015	2018	2020	2022
Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo	20,0	27,0	21,9	26,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)



Đọc thông tin mục 1 kết hợp với hiểu biết của bản thân, trình bày đặc điểm nguồn lao động tỉnh Quảng Bình và nêu ví dụ minh hoạ về các đặc điểm đó.

2. Sử dụng lao động

a. Theo ngành kinh tế

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu hướng công nghiệp hoá đang làm thay đổi cơ cấu sử dụng lao động theo nghề nghiệp của tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, sự dịch chuyển cơ cấu lao động theo nghề nghiệp còn chậm chuyển biến.

Bảng 5.4. Tỷ lệ lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm phân theo ngành kinh tế, giai đoạn 2018 – 2022

(Đơn vị: %)

Ngành	2018	2020	2022
Nông, lâm nghiệp, thuỷ sản	49,9	47,3	31,8
Công nghiệp – Xây dựng	18,1	21,7	27,8
Dịch vụ	19,8	20,5	26,7
Các ngành khác	12,2	10,5	13,7

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2022)



Từ bảng 5.4, hãy nhận xét sự thay đổi về cơ cấu lao động theo ngành kinh tế của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 – 2022.



Hình 4.1. Nhiều mô hình du lịch tạo việc làm cho người lao động

b. Theo thành phần kinh tế

Xu hướng hội nhập nền kinh tế và quá trình phát triển kinh tế thị trường đã làm thay đổi cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế.

Bảng 5.5. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm phân theo thành phần kinh tế giai đoạn 2018 – 2022

(Đơn vị: %)

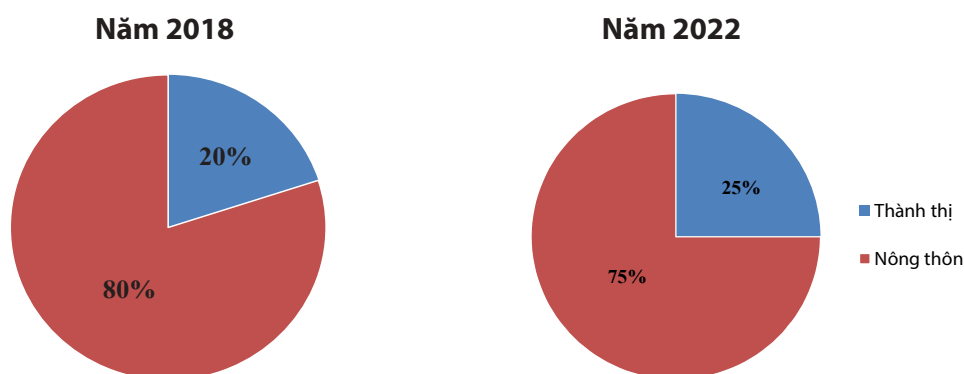
Năm \ Khu vực kinh tế	Nhà nước	Ngoài Nhà nước	Có vốn đầu tư nước ngoài
2018	11,5	88,3	0,2
2019	11,5	88,3	0,2
2020	11,4	88,4	0,2
2021	10,6	89,3	0,1
2022	11,2	88,2	0,6

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2022)



Hãy nhận xét sự thay đổi cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế ở tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 – 2022.

c. Theo khu vực thành thị và nông thôn



Hình 4.2. Biểu đồ cơ cấu lao động theo khu vực thành thị và nông thôn năm 2018 và 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2022)



Đọc thông tin mục 2, nhận xét sự thay đổi cơ cấu lao động theo khu vực thành thị và nông thôn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 – 2022.

3. Vấn đề việc làm và hướng giải quyết việc làm

a. Vấn đề việc làm

Việc làm là một vấn đề kinh tế – xã hội lớn ở tỉnh Quảng Bình hiện nay. Do sự phát triển của các ngành sản xuất, dịch vụ; sự đa dạng của các thành phần kinh tế nên số lao động được tạo việc làm qua các năm tăng lên. Tuy nhiên, tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm vẫn còn cao.

Bảng 5.6. Tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm khu vực thành thị và nông thôn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2015 – 2022

(Đơn vị: %)

Năm	Tỷ lệ thất nghiệp			Tỷ lệ thiếu việc làm		
	Toàn tỉnh	Thành thị	Nông thôn	Toàn tỉnh	Thành thị	Nông thôn
2015	1,72	4,29	1,09	2,97	2,36	3,12
2018	3,13	3,85	3,19	2,25	0,92	2,63
2020	3,49	5,09	3,08	3,91	4,29	3,81
2022	3,35	2,65	3,59	2,6	0,98	3,14

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2022)



Nhận xét về vấn đề việc làm ở tỉnh Quảng Bình.

b. Hướng giải quyết việc làm

– Đẩy mạnh phát triển các chương trình phát triển kinh tế – xã hội nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về cơ cấu kinh tế, tạo ra nhiều chỗ làm mới và làm chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực; tăng tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên.

– Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn cho vay để hỗ trợ tạo việc làm.

– Hỗ trợ người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài.

– Phát triển thị trường lao động ⁽²⁾, thúc đẩy cung ứng lao động, giới thiệu việc làm.



Hình 4.3. Lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu góp phần giải quyết việc làm cho nhiều lao động nông thôn



Hình 4.4. Đại biểu huyện Bố Trạch tham dự Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực thực hiện công tác cho vay vốn giải quyết việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm

(2) Thị trường lao động là sự trao đổi hàng hoá, sức lao động giữa một bên là những người bán sức lao động và một bên là những người sử dụng sức lao động thông qua các hình thức thoả thuận về giá cả (tiền công, tiền lương) và các điều kiện làm việc khác.

– Tăng cường đầu tư, phát triển các ngành kinh tế tạo việc làm bền vững, nhất là việc làm năng suất cao. Có chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư vào các ngành nghề kinh tế trọng điểm, mũi nhọn của tỉnh.

– Thực hiện có hiệu quả các giải pháp để phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, nâng cao chất lượng đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nâng cao tay nghề cho người lao động nhất là các ngành nghề khoa học – kĩ thuật – công nghệ và đào tạo các chuyên ngành mới trong chuyển đổi số,...

– Hỗ trợ phát triển cung – cầu lao động và phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, kết nối cung – cầu lao động.

– Nâng cao hiệu quả tổ chức, vận hành thị trường lao động theo hướng thống nhất, rõ ràng về chức năng nhiệm vụ và cơ chế phối hợp.

– Hỗ trợ kết nối thị trường lao động trong, ngoài nước và phát triển các thị trường lao động đặc thù.

Em có biết?

Mục tiêu của kế hoạch giải quyết việc làm cho người lao động tỉnh Quảng Bình:

Giai đoạn đến năm 2025, phấn đấu bình quân mỗi năm tạo việc làm cho 18 000 – 18 500 người lao động, trong đó có 3 600 người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và 3 000 người lao động được tạo việc làm thông qua các dự án, mô hình vay vốn từ Quỹ Quốc gia về việc làm. Hằng năm, đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 25% lực lượng người lao động. Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030, bình quân mỗi năm tạo việc làm cho 18 500 – 19 000 người lao động, trong đó có 3 000 người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và 4 000 người lao động được tạo việc làm thông qua các dự án, mô hình vay vốn từ Quỹ Quốc gia về việc làm.



Lựa chọn một trong các định hướng giải quyết việc làm của tỉnh Quảng Bình và nêu ý nghĩa của định hướng đó.

4. Vấn đề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong bối cảnh của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Phát triển nguồn nhân lực là một xu thế tất yếu, có tính đột phá đối với sự phát triển của một địa phương, khu vực hay quốc gia, đặc biệt trong điều kiện tác động sâu rộng, toàn diện và nhanh chóng của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu hướng toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế như hiện nay. Thời gian qua, tỉnh Quảng Bình đã có nhiều giải pháp phát triển nguồn nhân lực, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của tỉnh:

– Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền về xây dựng, phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

– Thực hiện tốt công tác dự báo nhân lực, thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tư vấn học nghề, việc làm cho học sinh, sinh viên, người lao động,...

– Tăng cường các hoạt động kết nối, gắn kết giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp trong quá trình đào tạo, tuyển dụng.

– Tăng cường đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục – đào tạo, nhất là giáo dục mũi nhọn, kịp thời phát hiện, bồi dưỡng học sinh, sinh viên giỏi, xuất sắc bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành, nghề trong tỉnh.

– Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí, khuyến khích, thu hút sự tham gia của các đối tượng lao động chất lượng cao tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

– Hỗ trợ, tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng tạo trong giảng dạy, tham gia thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.



Hình 4.5. Không gian khoa học công nghệ tại trường Đại học Quảng Bình



Hãy lựa chọn một trong các định hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Quảng Bình trước tác động của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và nêu ý nghĩa của định hướng đó.



1. Hãy nêu đặc điểm của lực lượng lao động, tình hình sử dụng lao động, thực trạng vấn đề việc làm của tỉnh Quảng Bình.
2. So sánh tỉ lệ thất nghiệp và tỉ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2015 – 2022. Giải thích nguyên nhân.



Lựa chọn và thực hiện một trong ba nhiệm vụ sau:

1. Thu thập thông tin và viết một đoạn văn ngắn về vấn đề việc làm ở địa phương em.
2. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 300 từ) về một ngành nghề em yêu thích ở địa phương em.
3. Liên hệ về trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh ta.

Bài 5. ĐỊNH HƯỚNG LỰA CHỌN VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP

Yêu cầu cần đạt:

- Vận dụng được một số lí thuyết hướng nghiệp để tự định hướng nghề nghiệp cho bản thân.
- Lựa chọn được nhóm ngành nghề phù hợp với bản thân.
- Lập được kế hoạch tìm hiểu nghề nghiệp/ trải nghiệm nghề nghiệp phù hợp với lựa chọn đó (kế hoạch nghề nghiệp).
- Tư vấn được cho các bạn trong lựa chọn, định hướng nghề nghiệp.



Trò chơi: Đoán nghề

Gợi ý:

- Giáo viên chọn khoảng 10 – 15 nghề phổ biến ở tỉnh Quảng Bình.
- Ghi tên từng nghề ra mảnh giấy nhỏ và gấp lại.
- Mời học sinh lên mô tả đặc điểm, yêu cầu đối với nghề đó mà không được nói tên nghề.
- Các học sinh còn lại đoán đó là nghề gì dựa trên các đặc điểm và yêu cầu đối với nghề đó.
- Ai đoán đúng sẽ được giáo viên và cả lớp khen thưởng.

Ví dụ: Nhân viên hướng dẫn du lịch, thợ may, thợ khắc đá, nhân viên điều dưỡng, nhân viên bán hàng siêu thị, lái xe,...



1. Tìm hiểu lí thuyết hướng nghiệp

Trong công tác hướng nghiệp ở trường phổ thông, nếu học sinh hiểu và vận dụng được các lí thuyết hướng nghiệp vào chọn nghề tương lai thì sẽ mang lại kết quả tốt hơn.

a. Lí thuyết con nhím

Theo lí thuyết này, nghề nghiệp lí tưởng là điểm chung giữa 3 yếu tố: Đam mê (điều hứng thú); điểm mạnh của học sinh (điều làm tốt) và nhu cầu xã hội (thị trường lao động). Các em có thể tự khám phá bản thân để định hướng nghề nghiệp tương lai theo các bước sau:



Hình 5.1. Lí thuyết con nhím

* Bước 1: Khám phá đam mê

Đây là bước khởi đầu của việc tự định hướng nghề nghiệp. Các em hãy trả lời một số câu hỏi sau:

- Điều gì khiến em thực sự quan tâm, hứng thú?
- Việc gì khiến em muốn dành nhiều thời gian làm mà không thấy chán?
- Môn học nào mà em yêu thích?
- Các em có thể tham khảo kết quả tìm hiểu bản thân ở lớp 11.

* Bước 2: Xác định điểm mạnh

Các em tự xác định điều làm tốt trong cuộc sống và học tập. Ví dụ: Một học sinh học giỏi môn Lịch sử; giới thiệu rõ ràng và truyền cảm về các danh lam, thắng cảnh của quê hương khi đi tham quan, trải nghiệm thực tế.

* Bước 3: Tìm hiểu nhu cầu xã hội

Các em có đam mê và làm tốt về lĩnh vực nào đó là điều quan trọng. Song những đam mê và điểm mạnh đó chỉ được phát huy khi đáp ứng nhu cầu của xã hội. Các em có thể tìm hiểu thông tin về thị trường lao động qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Bình, thông tin tuyển dụng trực tiếp trên website của các công ti, doanh nghiệp hoặc qua ngày hội việc làm,...

* Bước 4: Lựa chọn nghề nghiệp phù hợp

Trên cơ sở tìm hiểu đam mê, điểm mạnh của bản thân, kết hợp với thông tin về nhu cầu xã hội, học sinh có thể tìm ra nghề nghiệp tương lai phù hợp. Ví dụ, học sinh đam mê tìm hiểu về lịch sử, văn hoá địa phương và có kết quả học tập cao ở môn học lịch sử. Các em có thể tham khảo các nghề nghiệp trong lĩnh vực hướng dẫn du lịch văn hoá, bảo tàng, người nghiên cứu lịch sử, văn hoá, các vị trí công việc liên quan đến văn hoá, xã hội ở cấp tỉnh, huyện, xã, làm dự án trong các tổ chức phi chính phủ,...

b. Lí thuyết hệ thống

Con người không sống độc lập mà luôn tồn tại trong một hệ thống đa dạng. Sự lựa chọn nghề nghiệp tương lai không chỉ chịu ảnh hưởng từ yếu tố chủ quan thuộc bản thân học sinh mà còn chịu ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan bên ngoài như: gia đình, bạn bè, truyền thông, bối cảnh kinh tế – xã hội, truyền thống, hội nhập quốc tế,... Những kinh nghiệm đã có của các em sẽ ảnh hưởng đến hiện tại và những quyết định ở hiện tại sẽ ảnh hưởng đến tương lai. Sự ảnh hưởng hoặc tác động của từng yếu tố chủ quan và khách quan đối với quyết định chọn nghề nghiệp của mỗi học sinh không giống nhau vì còn tùy thuộc vào từng thời điểm, vào nhận thức, điều kiện, khả năng của mỗi người.



Hình 5.2. Lí thuyết hệ thống

Vì vậy, khi định hướng nghề nghiệp, các em cần tìm hiểu những tác động, ảnh hưởng đang xảy ra trong hệ thống, nhất là những tác động ảnh hưởng trực tiếp đến việc lựa chọn nghề nghiệp của học sinh cũng như những hệ quả mà những tác động ấy mang lại.

c. Lí thuyết vị trí điều khiển

Lí thuyết vị trí điều khiển đưa ra 2 quan điểm như sau:

– *Quan điểm thứ nhất* cho rằng cuộc đời của mỗi người là do chính bản thân người đó làm chủ và điều khiển. Do đó, họ có toàn quyền làm chủ cuộc sống, làm chủ suy nghĩ, nội tâm của mình.

– *Quan điểm thứ hai* cho rằng cuộc đời của mỗi người là do vận mệnh đã sắp đặt sẵn và điều khiển. Do đó, họ luôn cho rằng mình có làm gì cũng không thay đổi được số mệnh và thường để người khác hoặc hoàn cảnh làm chủ vận mệnh của họ.

Hai quan điểm trên của lí thuyết vị trí điều khiển được thể hiện trong sơ đồ sau:

Tùy thuộc quan điểm của mỗi người sẽ dẫn đến hành động tương ứng. Thực tế có rất nhiều chuyện xảy ra trong cuộc đời mỗi người mà chúng ta không có khả năng tránh né hay điều khiển được. Ví dụ, mỗi người không thể tự quyết định được sinh ra trong



Hình 5.3. Lí thuyết vị trí điều khiển

gia đình kinh tế khó khăn hay khá giả; sinh ra ở thành thị, nông thôn hay miền núi, là nam hay nữ... Nhưng, họ hoàn toàn có quyền quyết định cách phản ứng lại với những điều trên. Nếu phản ứng một cách tích cực thì nó sẽ đem lại kết quả tích cực và ngược lại. Nói cách khác, mỗi người không điều khiển được ngoại cảnh hay những yếu tố khách quan, nhưng họ có thể điều khiển được suy nghĩ, nội tâm của mình.

d. Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch

Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch cho rằng, sự may mắn không đến một cách ngẫu nhiên mà đến một cách có kế hoạch. Nói cách khác, sự may mắn không đến một cách tình cờ cho bất cứ một ai đó, mà nó chỉ đến với người biết tạo ra sự tình cờ, may mắn đó. Đó là kết quả của một quá trình khám phá, nỗ lực học tập, tham gia hoạt động... Mỗi học sinh hãy tự tạo ra sự tình cờ, may mắn trong quá trình định hướng nghề nghiệp của mình.

Học sinh có thể vận dụng lí thuyết này như sau:

Học tốt những môn học mà bản thân yêu thích. Tìm hiểu thêm về môn học qua các tài liệu tham khảo khác nhau; chủ động phát biểu, trình bày ý tưởng trong các buổi học. Thể hiện sự quan tâm, hiểu biết về môn học đó với giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn.

Tham gia tích cực vào các hoạt động học tập, lao động và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp do nhà trường tổ chức. Ngoài ra, học sinh có thể tự tìm kiếm cơ hội để trau dồi kiến thức, kĩ năng về môn học yêu thích và tìm hiểu nghề nghiệp liên quan.

Vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học được qua các môn học yêu thích vào thực tiễn cuộc sống. Hằng hái tham gia trải nghiệm trong các hoạt động khác nhau để có cơ hội sử dụng, rèn luyện và thể hiện khả năng của mình.

(Nguồn: Tài liệu tập huấn 'Đổi mới giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học', Bộ Giáo dục và Đào tạo và Tổ chức VVOB, 2013).



Đọc thông tin ở mục 1 và thực hiện nhiệm vụ sau:

1. So sánh các lí thuyết hướng nghiệp em vừa tìm hiểu và chỉ ra lí thuyết có ý nghĩa nhất đối với bản thân.
2. Tìm những tình huống, câu chuyện cụ thể minh họa cho lí thuyết hướng nghiệp mà em thấy có ý nghĩa.

2. Lựa chọn nhóm nghề phù hợp

Để lựa chọn nhóm nghề phù hợp với bản thân, học sinh cần tìm hiểu Danh mục nghề nghiệp Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ). Theo đó, có 10 nhóm nghề với các yêu cầu về cấp độ kĩ năng như sau:

- *Cấp độ kỹ năng 1:* Nhiệm vụ đơn giản, chỉ đòi hỏi sức khoẻ, biết tính toán.
- *Cấp độ kỹ năng 2:* Nhiệm vụ đòi hỏi biết về chuyên môn của công việc, có trình độ chuyên môn nhất định tương đương sơ cấp.
- *Cấp độ kỹ năng 3:* Nhiệm vụ phức tạp hơn, đòi hỏi chuyên môn cao hơn cấp độ kỹ năng 2, tương ứng với trình độ trung cấp hoặc cao đẳng.
- *Cấp độ kỹ năng 4:* Nhiệm vụ phức tạp, đòi hỏi có chuyên môn sâu, tương ứng với trình độ đại học.
- *Cấp độ kỹ năng 5:* Nhiệm vụ phức tạp nhất, đòi hỏi có chuyên môn sâu, rộng, tương ứng với trình độ sau đại học.

Dưới đây là 10 nhóm nghề và đặc điểm của từng nhóm nghề:

STT	Nhóm nghề	Đặc điểm
1.	Lãnh đạo, quản lý trong các ngành, các cấp và các đơn vị	Nhóm này bao gồm những nhà lãnh đạo, quản lý làm việc trong các ngành, các cấp và trong các đơn vị có giữ các chức vụ, có quyền quản lý, chỉ huy, điều hành từ trung ương tới cấp xã. <i>Nhóm nghề này đòi hỏi có chuyên môn từ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học.</i>
2.	Nhà chuyên môn bậc cao	Nhóm này bao gồm những nghề đòi hỏi phải có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm ở trình độ cao (đại học trở lên) trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, sức khoẻ, giáo dục, kinh doanh và quản lý, công nghệ thông tin và truyền thông và luật pháp, văn hoá, xã hội. <i>Nhóm nghề này đòi hỏi có chuyên môn sâu, tương ứng với trình độ đại học và sau đại học.</i>
3.	Nhà chuyên môn bậc trung	Nhóm này bao gồm những nghề đòi hỏi kiến thức và kinh nghiệm ở trình độ bậc trung (cao đẳng, trung cấp) về các lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, sức khoẻ, kinh doanh và quản lý, luật pháp, văn hoá, xã hội, thông tin và truyền thông và giáo viên. <i>Hầu hết các nghề thuộc nhóm này đòi hỏi cấp độ kỹ năng 3.</i>
4.	Nhân viên trợ lý văn phòng	Nhóm này bao gồm những nghề đòi hỏi kiến thức và kinh nghiệm cần thiết để tổ chức, lưu trữ, tính toán và truy cập thông tin. Các nhiệm vụ chính của nhóm này bao gồm việc thực thi các công việc thư ký, xử lý văn bản, vận hành các

		máy móc, thiết bị văn phòng, ghi chép và tính toán số liệu bằng số và thực hiện các nhiệm vụ văn phòng theo định hướng của khách hàng (như làm các công việc có liên quan đến các dịch vụ thư tín, chuyển tiền, bố trí du lịch, thông tin thương mại và giao dịch khác). <i>Hầu hết các nghề thuộc nhóm này đòi hỏi cấp độ kỹ năng 2.</i>
5.	Nhân viên dịch vụ và bán hàng	Nhóm này bao gồm những nghề đòi hỏi kiến thức và kinh nghiệm cần thiết trong việc cung cấp các dịch vụ cá nhân, bảo vệ và bán các sản phẩm tại các cửa hàng, cửa hiệu hoặc tại chợ. Các nhiệm vụ chính của nhóm này bao gồm việc cung cấp các dịch vụ có liên quan đến việc du lịch, trông coi nhà cửa, cung cấp lương thực, thực phẩm, phục vụ vui chơi giải trí, quản lý khách sạn, chăm sóc cá nhân, bảo vệ tính mạng và tài sản, duy trì luật pháp và luật lệ hoặc bán sản phẩm tại các cửa hàng, cửa hiệu và tại chợ. <i>Hầu hết các nghề thuộc nhóm này đòi hỏi cấp độ kỹ năng 2.</i>
6.	Lao động có kỹ trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	Nhóm này bao gồm những nghề đòi hỏi kiến thức và kinh nghiệm cần thiết trong việc sản xuất ra các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp. Các nhiệm vụ chính bao gồm trồng trọt, nuôi hoặc săn bắt động vật, nuôi hoặc đánh bắt thủy sản, bảo vệ và khai thác rừng, bán các sản phẩm cho khách hàng và tổ chức tiếp thị. Để phân biệt lao động trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản thuộc nhóm này với lao động giản đơn (nhóm 9) ta thường căn cứ vào 2 tiêu chí: (1) biết lập kế hoạch và (2) biết sử dụng máy móc cho công việc. <i>Hầu hết các nghề thuộc nhóm này đòi hỏi cấp độ kỹ năng 2.</i>
7.	Thợ thủ công và các nghề nghiệp có liên quan khác	Nhóm này bao gồm những nghề đòi hỏi kiến thức và kinh nghiệm cần thiết của những người công nhân kỹ thuật hoặc thợ thủ công lành nghề, trong đó họ phải có hiểu biết về tất cả các công đoạn của dây chuyền sản xuất, kể cả phải hiểu biết các đặc điểm và công dụng của sản phẩm cuối cùng làm ra. Các nhiệm vụ chính bao gồm việc chiết hoặc xử lý các nguyên liệu thô; chế tạo và sửa chữa hàng hoá; máy móc; xây dựng, bảo trì và sửa chữa đường xá, nhà cửa, các công trình xây dựng khác; tạo ra các sản phẩm và các mặt hàng thủ công khác nhau. <i>Hầu hết các nghề thuộc nhóm này đòi hỏi cấp độ kỹ năng 2.</i>

8.	Thợ vận hành và lắp ráp máy móc, thiết bị	Nhóm này bao gồm những nghề đòi hỏi kiến thức và kinh nghiệm cần thiết trong việc vận hành và giám sát các máy móc thiết bị công nghiệp với sự hiểu biết đầy đủ về các máy móc, thiết bị sử dụng trong công việc. Các nhiệm vụ chính bao gồm việc vận hành và giám sát các máy móc thiết bị trong khai thác mỏ, trong công nghiệp và xây dựng và trong xử lý sản phẩm và sản xuất; lái các phương tiện giao thông; lái và vận hành các máy móc, thiết bị di động và lắp ráp các chi tiết thành phần thành sản phẩm hoàn chỉnh. <i>Hầu hết các nghề thuộc nhóm này đòi hỏi cấp độ kỹ năng 2.</i>
9.	Lao động giản đơn	Nhóm này bao gồm những nghề đòi hỏi kiến thức và kinh nghiệm cần thiết trong việc thực hiện các công việc đơn giản và đơn điệu, bao gồm việc sử dụng các công cụ cầm tay, trong nhiều trường hợp thì sử dụng khá nhiều sức cơ bắp và trong một số trường hợp ngoại lệ thì có sử dụng đến khả năng phán đoán và sáng tạo cá nhân một cách hạn chế. Các nhiệm vụ chủ yếu bao gồm việc bán hàng hoá trên đường phố, gác cổng, gác cửa và trông coi tài sản, lau, chùi, quét dọn, giặt, là và làm các công việc phổ thông trong các lĩnh vực khai thác mỏ, nông, lâm, ngư nghiệp, xây dựng, công nghiệp. <i>Hầu hết các nghề thuộc nhóm này đòi hỏi cấp độ kỹ năng 1.</i>
10	Lực lượng vũ trang	Nhóm này bao gồm tất cả những người thực hiện đang phục vụ trong quân đội, công an kể cả lực lượng hậu cần, không phân biệt phục vụ tự nguyện hay bắt buộc và do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an quản lý. <i>Nhóm này đòi hỏi ở tất cả các cấp độ kỹ năng.</i>

* Danh mục nghề nghiệp được chia thành 5 cấp:

- *Cấp 1:* Cấp độ kỹ năng.
- *Cấp 2 đến cấp 5:* Lĩnh vực chuyên môn.

* Các nhóm nghề được mã hoá bằng mã số như sau:

- *Cấp 1* gồm 10 nhóm nghề được mã hoá bằng một chữ số.
- *Cấp 2* gồm 48 nhóm nghề được chia nhỏ từ 10 nhóm nghề cấp 1 tương ứng và được mã hoá bằng hai chữ số.
- *Cấp 3* gồm 152 nhóm nghề được chia nhỏ từ 48 nhóm nghề cấp 2 tương ứng và được mã hoá bằng ba chữ số.

- **Cấp 4** gồm 509 nhóm nghề được chia nhỏ từ 152 nhóm nghề cấp 3 tương ứng và được mã hoá bằng bốn chữ số.
- **Cấp 5** gồm 786 nghề được chia nhỏ từ 509 nhóm nghề cấp 4 tương ứng và được mã hoá bằng năm chữ số.



Đọc thông tin ở mục 2 và thực hiện nhiệm vụ sau:

1. Dựa vào đặc điểm các nhóm nghề nêu trên, lựa chọn nhóm nghề cấp 1 phù hợp với em.

Ví dụ: Nhóm nghề 5 là: Nhân viên dịch vụ và bán hàng

2. Lựa chọn nhóm nghề cấp 2, cấp 3, cấp 4, cấp 5 phù hợp với bản thân.

Ví dụ: Học sinh trên chọn nhóm nghề theo các cấp như sau:

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
5. Nhân viên dịch vụ và bán hàng				
	51. Nhân viên dịch vụ cá nhân			
		511. Nhân viên tổ chức, hướng dẫn khách du lịch		
			5113. Nhân viên hướng dẫn du lịch	
				51139. Nhân viên hướng dẫn du lịch khác (như di tích lịch sử, bảo tàng)

3. Chia sẻ với bạn về thông tin của nhóm nghề mà em lựa chọn.

Học sinh có thể tìm hiểu chi tiết các nhóm nghề trên website tại địa chỉ:

<https://sct.quangbinh.gov.vn/3cms/upload/sct/File/quyet-dinh-34-2020-qd-ttg-danh-muc-nghe-nghep-viet-nam.pdf>

3. Lập kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp

Sau khi lựa chọn nhóm nghề phù hợp với bản thân, học sinh cần lập kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp đó. Tham gia hoạt động trải nghiệm sẽ giúp học sinh hiểu rõ hơn các yêu cầu nghề nghiệp, tính chất và môi trường nghề nghiệp. Từ đó, học sinh đánh giá được mức độ phù hợp của bản thân với nghề nghiệp dự định. Các em có thể thực hiện rèn luyện những mặt còn hạn chế và phát huy mặt mạnh của bản thân theo định hướng nghề đã chọn.

Lập kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp theo các bước sau:

Bước 1: Lựa chọn nghề nghiệp tiến hành trải nghiệm.

Bước 2: Liên hệ, tìm kiếm nơi tiến hành trải nghiệm nghề nghiệp dự định.

Bước 3: Thực hiện trải nghiệm (quan sát, phỏng vấn, thực hành,...).

Bước 4: Chia sẻ cảm nhận về sự phù hợp với nghề sau khi trải nghiệm.

Dựa vào đặc điểm nhóm nghề đã xác định, học sinh lập kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp theo gợi ý sau:

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4
Thời gian trải nghiệm	Địa điểm trải nghiệm	Hình thức trải nghiệm	Thông tin cần thu thập
Cuối tuần	Bảo tàng Quảng Bình	– Quan sát hoạt động nghề nghiệp của hướng dẫn viên bảo tàng. – Phỏng vấn nhân viên bảo tàng. – Thực hành giới thiệu cho nhóm bạn hoặc người thân.	– Yêu cầu nghề nghiệp đối với nhân viên hướng dẫn ở bảo tàng (giọng nói, trang phục, tác phong). – Môi trường làm việc.



Đọc thông tin ở mục 3 và thực hiện nhiệm vụ sau:

1. Lập kế hoạch trải nghiệm theo nghề nghiệp mà em lựa chọn
2. Trao đổi với thầy cô, các bạn về kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp.
3. Xác định thuận lợi và khó khăn khi thực hiện kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp đó và chỉ ra cách khắc phục.

4. Tư vấn hướng nghiệp cho bạn

Trong công tác hướng nghiệp, ngoài thầy cô giáo tư vấn cho học sinh thì có thể tư vấn hướng nghiệp đồng đẳng. Nói cách khác, học sinh có thể tư vấn cho bạn cùng lớp, cùng trường để chọn nghề phù hợp. Trên cơ sở hiểu rõ các lí thuyết hướng nghiệp nêu trên, học sinh có thể đưa ra gợi ý cho các bạn để trả lời câu hỏi: Bạn là ai? Bạn đang ở đâu và muốn đi về đâu? và làm cách nào để bạn đi được đến nơi mong muốn đó? Trả lời các câu hỏi này sẽ giúp các bạn học sinh nhận biết được bản thân. Ngoài ra, còn nhiều yếu tố khác ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp tương lai của học sinh. Do đó, cần giúp các bạn học sinh hiểu được yếu tố khách quan nào tác động đến quyết định chọn nghề của các em. Đồng thời, học sinh cần tìm ra cách giải quyết những vấn đề vướng mắc đó. Dưới đây là câu chuyện của H:

CHUYỆN CỦA H

H học giỏi các môn khoa học xã hội, nói thạo tiếng Anh và cao trên 1,7m, được mọi người khen là xinh đẹp. H luôn mơ ước trở thành tiếp viên hàng không. Ngay từ khi học lớp 11, H tìm hiểu các tiêu chuẩn của tiếp viên hàng không và biết mình có đủ điều kiện sức khỏe và học lực, H đã nói với bố mẹ mong ước của mình. Nghe xong chuyện, bố mẹ H đã phản đối kịch liệt vì nghề tiếp viên hàng không vất vả và khó lâu bền; bố mẹ muốn H làm giáo viên vì sẽ có thời gian chăm lo cho gia đình sau này. H băn khoăn không biết làm thế nào.



Đọc thông tin ở mục 4 và thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Chỉ ra yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn nghề nghiệp của bạn H.
2. Nếu bạn H muốn được tư vấn, em sẽ tư vấn cho H như thế nào? Em sẽ dùng lí thuyết hướng nghiệp nào để giải thích?



1. Tìm hiểu thêm một số lí thuyết hướng nghiệp

Cây nghề nghiệp

Mật mã HOLLAND

Mô hình lập kế hoạch nghề

– Hãy tìm hiểu nội dung chính của lí thuyết cây nghề nghiệp, mật mã Holland, mô hình lập kế hoạch nghề và chia sẻ với bạn

2. Thực hiện kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp

- Thực hiện kế hoạch trải nghiệm đã xây dựng ở mục 3 của chủ đề này.
- Tự đánh giá sự phù hợp với nghề nghiệp mà em trải nghiệm theo các mức độ:

Nội dung đánh giá	Rất phù hợp 	Phù hợp 	Ít phù hợp 
Nghề nghiệp đó phù hợp với sở thích của tôi	?	?	?
Nghề nghiệp đó phù hợp với năng lực của tôi	?	?	?
Nghề nghiệp đó phù hợp với điều kiện gia đình tôi	?	?	?
Nghề nghiệp đó phù hợp với nhu cầu xã hội	?	?	?

3. Thực hành tư vấn

TÌNH HUỐNG

Một học sinh lớp 11 có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn; bố mẹ làm tự do, thu nhập không ổn định. Bạn học sinh này cho rằng, mình khó có điều kiện học tiếp nên dự định học xong lớp 12 sẽ nghỉ học đi làm kiếm tiền.

Em hãy tư vấn cho bạn học sinh này để có cách suy nghĩ tích cực và vượt qua khó khăn đó.



Chia sẻ với bố mẹ, người thân về những đặc điểm của bản thân phù hợp với nghề mà em trải nghiệm qua nội dung đánh giá ở mục 2, phần Luyện tập.

Nêu bài học rút ra sau hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp.

Bài 6. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI, GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

Yêu cầu cần đạt:

- Nêu được một số chính sách phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay.
- Nêu được một số chính sách phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay.
- Hiểu được trách nhiệm của bản thân đối với định hướng phát triển kinh tế – xã hội và chính sách phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh.
- Tuyên truyền để mọi người cùng thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế – xã hội, giáo dục và đào tạo ở tỉnh Quảng Bình.



Chính sách kinh tế – xã hội, giáo dục – đào tạo là những nội dung trọng tâm được tỉnh Quảng Bình chú trọng, ưu tiên phát triển nhằm thực hiện tốt mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Trong nhiều năm qua, dưới sự chỉ đạo tổ chức thực hiện đúng đắn của các cấp, ngành trong tỉnh đã đưa các chính sách này thực sự đi vào cuộc sống của người dân, đóng góp vào sự phát triển chung ở khu vực miền Trung của Tổ quốc.



Kể tên một số chính sách phát triển kinh tế – xã hội; chính sách giáo dục và đào tạo hiện đang triển khai ở địa phương em.



1. Một số chính sách phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Bình hiện nay

Thông tin 1:

Hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đều ban hành Chỉ thị về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và dự toán ngân sách nhà nước trong đó yêu cầu kế

hoạch của các đơn vị phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình, kết quả thực hiện năm trước, xác định mục tiêu phát triển của kế hoạch năm mới cho phù hợp, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh. Bên cạnh đó, tỉnh Quảng Bình còn ban hành nhiều chính sách nhằm phát triển kinh tế – xã hội như Chương trình phát triển đô thị thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017 – 2025, định hướng đến năm 2035 (Quyết định 1413/QĐ-UBND ngày 02/05/2018); Hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2023 (Kế hoạch 2267/KH-UBND ngày 07/11/2023); Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022 – 2025 (Quyết định 2804/QĐ-UBND ngày 17/10/2022);... Nhờ có các chính sách đúng đắn đó, kinh tế của tỉnh hơn 30 năm qua liên tục tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Tính trung bình trong cả thời kì 1991 – 2023, tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 7,9%; trong đó: nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,8%; công nghiệp – xây dựng tăng 12,9%; dịch vụ tăng 8,3%.



Hình 6.1. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2024



Hình 6.2. Một góc thị xã Ba Đồn



Đọc thông tin ở mục 1 kết hợp quan sát hình ảnh và trả lời các câu hỏi sau:

1. Cho biết vì sao hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình phải ban hành Chỉ thị về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và dự toán ngân sách nhà nước?
2. Những chính sách phát triển kinh tế đã làm cho tỉnh Quảng Bình thay đổi như thế nào?
3. Các địa phương trong tỉnh Quảng Bình có cần ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của địa phương mình không? Vì sao?

Thông tin 2:

Ngày 28 – 6 – 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ban hành Kế hoạch số 1141/KH-UBND triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh. Với nội dung phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu cần chú trọng xây dựng các chính sách để nâng tỉ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực; tổ chức triển khai đồng bộ Chiến lược, lộ trình số hoá và thông minh hoá các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu phục vụ kinh tế số và xã hội số; đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân; Tổ chức các chương trình đào tạo kĩ năng số cơ bản, kĩ năng số nâng cao, kĩ năng kĩ thuật cho cán bộ và người dân trong tỉnh;... Bên cạnh đó, trong Kế hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh còn đưa ra các nội dung cụ thể về phát triển kinh tế số và xã hội số trong tất cả các ngành, lĩnh vực từ nông nghiệp và nông thôn; y tế; giáo dục; công thương; du lịch; lao động, việc làm; an sinh xã hội;... Kế hoạch về chuyển đổi số của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình có ý nghĩa quan trọng đối với các ngành nghề, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh. Đối với người dân, Kế hoạch chuyển đổi số đã mang đến cơ hội bình đẳng cho người dân về tiếp cận dịch vụ cũng như những tiến bộ lớn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.



1. Theo em, việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 1141 đã đem lại lợi ích gì cho sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh hoặc địa phương em?
2. Gia đình và bản thân em đã áp dụng kinh tế số vào cuộc sống hàng ngày như thế nào?
2. Theo em, học sinh nên làm gì và có trách nhiệm như thế nào để thực hiện tốt chính sách chuyển đổi số ở tỉnh Quảng Bình?

Thông tin 3:

Trong Quy hoạch phát triển ngành Văn hoá tỉnh Quảng Bình đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình nêu ra các quan điểm:

– Phát huy mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển văn hoá mang tính dân tộc, khoa học và nhân dân, góp phần nâng cao trình độ dân trí, phát triển chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân và góp phần hội nhập kinh tế quốc tế.

– Văn hoá sẽ phát triển rộng rãi trong mọi tầng lớp nhân dân, mọi vùng, mọi dân tộc, đồng thời phát triển nghệ thuật mang tính chuyên nghiệp, theo xu hướng chung của quốc gia, quốc tế và được đầu tư mạnh mẽ, cơ bản hơn.

– Phát triển văn hoá theo hướng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc, tích cực trong việc gìn giữ, bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội, đảm bảo sự tăng trưởng liên tục, khắc phục về tình trạng chênh lệch về mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân ở các vùng, miền, khu vực trong toàn tỉnh, gắn liền với bảo đảm an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

Các quan điểm trên đã giúp cho ngành văn hoá và các cơ quan quản lý văn hoá trong Tỉnh có thêm những công cụ, phương tiện cùng các giải pháp để xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.



1. Nêu vai trò của chính sách văn hoá đối với sự phát triển ở địa phương em.
2. Địa phương nơi em sống đã thực hiện các chính sách về văn hoá của tỉnh như thế nào?
2. Nêu trách nhiệm của mình trong việc góp phần thực hiện tốt chính sách văn hoá ở địa phương em?



Chính sách kinh tế – xã hội là tổng thể các quan điểm, tư tưởng, các giải pháp và công cụ mà nhà nước sử dụng để tác động lên các chủ thể kinh tế xã hội nhằm giải quyết vấn đề chính sách, thực hiện những mục tiêu nhất định theo định hướng mục tiêu tổng thể của đất nước. Chính sách kinh tế xã hội là công cụ giúp tỉnh quản lý nhà nước trong tỉnh.

Chính sách kinh tế – xã hội trong tỉnh Quảng Bình gồm nhiều loại như: các chính sách kinh tế (chính sách xây dựng hạ tầng kinh tế, chính sách kinh tế đối ngoại,...); các chính sách xã hội (chính sách văn hoá, chính sách lao động việc làm,...)

Các chính sách trên là công cụ quan trọng góp phần định hướng hành vi của các chủ thể kinh tế – xã hội để cùng hướng tới mục tiêu chung là phát triển kinh tế – xã hội. Tỉnh Quảng Bình ban hành các chính sách để điều tiết, giải quyết những vấn đề bức xúc phát sinh trong đời sống, điều tiết những mất cân đối, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh tế, xã hội diễn ra theo các mục tiêu đã đề ra. Các chính sách đó còn tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế – xã hội trong tỉnh; đồng thời có vai trò kích thích, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển và tác động đến các vấn đề khác nhau nhằm nảy sinh nhu cầu phát triển mới.

2. Một số chính sách phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh Quảng Bình hiện nay

Thông tin:

Để tạo điều kiện cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi có cơ hội vươn lên, thu hẹp dần khoảng cách giữa các vùng miền, trong những năm qua, các cấp, các ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh đã tập trung thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục – đào tạo cho nhân dân trong tỉnh.

Trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tỉnh Quảng Bình đã ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo để hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục dân tộc và xây dựng kế hoạch triển khai phù hợp với tình hình đặc điểm của địa phương. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng chỉ đạo tổ chức hiệu quả các hoạt động trọng tâm để nâng cao chất lượng dạy và học của giáo viên và học sinh, đặc biệt là đối với trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, học sinh dân tộc thiểu số. Các cấp, ngành và địa phương đã đầu tư, lồng ghép, huy động các nguồn vốn hỗ trợ xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho nhiều cơ sở giáo dục miền núi, khó khăn; xây mới hàng trăm phòng học, phòng thí nghiệm và nhiều trang thiết bị phục vụ học tập mới được trang bị, đưa vào sử dụng ở các xã vùng khó khăn.

Để thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi, tỉnh Quảng Bình kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Luật Giáo dục; Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã bổ sung nguồn kinh phí để hỗ trợ cho địa phương thực hiện đảm bảo đầy đủ toàn bộ chế độ, chính sách đối với vùng dân tộc thiểu số; tiếp tục thực hiện chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất cho trường phổ thông dân tộc bán trú; tạo điều kiện cho học sinh dân tộc thiểu số có điều kiện thuận lợi trong học tập;...



Hình 6.3. Sở GD & ĐT Quảng Bình tổ chức hội nghị đánh giá thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018



Hình 6.4. Tiết học áp dụng phương pháp dạy học tích cực tại Quảng Bình

Trường hợp:

Hôm nay đi làm chị H nghe được thông tin Thường trực Tỉnh uỷ Quảng Bình đã đồng ý chủ trương không thu học phí học kì 1 năm học 2023-2024 đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông công lập, học viên tại các cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình phổ thông trên địa bàn Tỉnh. Đặc biệt Tỉnh cũng quyết định không thu học phí cả năm học 2023-2024 đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông công lập, học viên tại các cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình phổ thông vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển. Nhờ chủ trương này mà gia đình chị sẽ giảm được rất nhiều khó khăn và hai người con sinh đôi của chị có thêm cơ hội tốt để vào đại học sau khi học xong lớp 12.



1. Từ các thông tin, trường hợp và hình ảnh trên, chỉ ra vai trò của chính sách giáo dục – đào tạo của tỉnh Quảng Bình.
2. Nêu khái quát nội dung chính sách giáo dục – đào tạo ở tỉnh Quảng Bình?
3. Việc thực hiện chính sách giáo dục – đào tạo đã đem đến cho trường em học những lợi ích gì? Nêu trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện chính sách giáo dục – đào tạo ở địa phương em.



Chính sách giáo dục – đào tạo của tỉnh Quảng Bình là một hệ thống các quan điểm, các mục tiêu của Tỉnh về giáo dục, cùng các phương hướng, giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu đó trong một giai đoạn nhất định.

Chính sách giáo dục – đào tạo của tỉnh Quảng Bình là một trong những chính sách xã hội cơ bản, là công cụ quản lý vĩ mô giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp chính quyền trong tỉnh quản lý các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện các mục tiêu của tỉnh về lĩnh vực này. Chính sách giáo dục – đào tạo tạo tiền đề và điều kiện môi trường xã hội thuận lợi cho phát triển giáo dục, đào tạo, qua đó thúc đẩy kinh tế – xã hội phát triển.

Nhờ có chính sách này mà nhiều học sinh, nhất là học sinh dân tộc thiểu số được đến trường; rút ngắn sự chênh lệch, phân hoá, tạo công bằng xã hội trong giáo dục, đào tạo và hướng đến mục tiêu xã hội hoá giáo dục, một xã hội học tập trong tỉnh.



1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây. Vì sao?

- a. Việc thực hiện chính sách kinh tế – xã hội chỉ có lợi cho chính quyền địa phương.
- b. Thực hiện chính sách giáo dục – đào tạo giúp cho người nghèo ở Quảng Bình có thể thoát nghèo bền vững.
- c. Thực hiện chính sách phát triển kinh tế – xã hội làm cho bộ mặt ở các vùng nông thôn trong tỉnh Quảng Bình thay đổi mạnh mẽ.
- d. Chính sách phát triển kinh tế – xã hội, giáo dục – đào tạo là chính sách do một số cá nhân soạn thảo và ban hành nên có thể không phù hợp.

2. Cùng các bạn đóng vai xử lý tình huống sau: Gia đình chị H nghèo khó không có tiền cho con là N đi học đại học. Học xong lớp 12, trong dịp nghỉ chờ kết quả thi tốt nghiệp, N đi làm thêm cho ông D. Ông D thấy N chăm chỉ, thông minh, muốn trở thành người có ích giúp cho bà con dân nghèo, nên ông tìm cách giúp N. Ông D đã tìm được một ngân hàng chính sách xã hội gần nhà N sẵn sàng cho N vay tiền để học đại học. N đã về nhà trao đổi, xin ý kiến bố mẹ và bố mẹ N đã đồng ý cùng N lên Ngân hàng làm thủ tục vay vốn cho N đi học. N rất vui vì đã thực hiện được ước mơ học đại học của mình.

3. Cùng các bạn thảo luận về vai trò bản thân, gia đình và xã hội khi thực hiện chính sách kinh tế – xã hội, chính sách giáo dục – đào tạo ở địa phương em.

4. Viết một bài luận (khoảng 30 dòng) nói về trách nhiệm của em trong việc thực hiện các chính sách kinh tế – xã hội, giáo dục – đào tạo ở địa phương em.



Thiết kế các sản phẩm (pano, inphographic, tranh cổ động,...) tuyên truyền về việc thực hiện các chính sách kinh tế – xã hội, chính sách giáo dục – đào tạo ở địa phương em.

Bài 7. CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

Yêu cầu cần đạt:

- Nêu được một số chính sách an sinh xã hội ở Quảng Bình.
- Nêu được vai trò của chính sách an sinh xã hội đối với người dân ở Quảng Bình.
- Thực hiện được trách nhiệm của công dân đối với chính sách an sinh xã hội ở địa phương bằng những việc làm cụ thể và phù hợp với lứa tuổi.



Điều 34, Hiến pháp năm 2013 quy định “Công dân có quyền được đảm bảo an sinh xã hội”. Đảm bảo an sinh xã hội luôn là mục tiêu mà các cấp uỷ đảng, chính quyền tỉnh Quảng Bình hướng tới. Hệ thống các chính sách an sinh xã hội từng bước được thực hiện không chỉ có ý nghĩa trong việc giúp người dân phòng ngừa, hạn chế và khắc phục rủi ro mà còn đảm bảo an toàn thu nhập và cuộc sống cho các thành viên trong xã hội.



Hình 7.1. Bảo hiểm y tế – Chính sách quan trọng trong hệ thống các chính sách an sinh xã hội ở tỉnh Quảng Bình



Hình 7.2. Người dân đăng kí khám, chữa bệnh Bảo hiểm y tế tại Bệnh viện đa khoa Thành phố



Từ các hình ảnh trên, liệt kê các chính sách an sinh xã hội đang được thực hiện ở địa phương em. Theo em, vì sao tỉnh Quảng Bình phải thực hiện các chính sách an sinh xã hội?



1. Một số chính sách an sinh xã hội ở Quảng Bình

a. Chính sách người có công ở Quảng Bình

Thông tin:

Tỉnh Quảng Bình là một trong những địa phương dẫn đầu trong cả nước về số lượng người có công với cách mạng. Nhiều năm qua, nâng cao truyền thống "Uống nước nhớ nguồn", Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Bình đã quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Hệ thống các chính sách, pháp luật về người có công ngày càng hoàn thiện, đối tượng ưu đãi được mở rộng, trợ cấp được nâng lên. Hiện nay trong tỉnh có hơn 23 000 người có công đang hưởng trợ cấp hàng tháng với số tiền chi trả hơn 35 tỉ đồng/tháng; trên 98% hộ gia đình chính sách có mức sống ổn định; 100% Mẹ Việt Nam anh hùng được phụng dưỡng, chăm sóc. Hằng năm, giải quyết gần 10 000 hồ sơ về thờ cúng liệt sĩ; thực hiện ưu đãi giáo dục và đào tạo cho hàng ngàn học sinh, sinh viên con của đối tượng người có công; giải quyết chế độ bảo hiểm y tế cho hơn 40 000 đối tượng người có công ⁽¹⁾. Vận động Quỹ Đền ơn đáp nghĩa được trên 2,8 tỉ đồng/năm, xây mới và sửa chữa hàng ngàn căn nhà cho người có công. Các chế độ chính sách cho người có công được thực hiện đúng quy định, kịp thời giúp người dân phần nào giảm thiểu được những hi sinh, mất mát do chiến tranh để lại và tin tưởng hơn vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.



Đọc thông tin kết hợp quan sát hình ảnh và trả lời các câu hỏi sau:

1. Em hiểu thế nào là chính sách người có công?
2. Chính sách người có công đem lại lợi ích gì cho người dân?



Hình 7.3. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình tặng quà tri ân các cựu chiến binh



Hình 7.4. Hoạt động hỗ trợ, xây dựng nhà cho gia đình người có công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

(1) Tỉnh uỷ Quảng Bình: Báo cáo “Đánh giá khái quát kết quả 40 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng tại Quảng Bình” – tháng 4 năm 2024

b. Chính sách bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm xã hội (BHXH) ở Quảng Bình

Đọc trường hợp, thông tin sau và trả lời câu hỏi:

Trường hợp:

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tham gia BHYT là cách tốt nhất để bảo vệ sức khỏe bản thân, gia đình khi ốm đau, bệnh tật nên nhiều năm liền chị T ở thôn 3 Phúc Đồng, xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch và gia đình đều tích cực tham gia BHYT. Đến giờ, khi nhắc lại trận ốm thập tử nhất sinh giữa tháng 12 – 2023, chị T vẫn chưa hết bàng hoàng. Sau gần 2 tháng nằm bệnh viện điều trị bệnh viêm màng não, tổng số tiền điều trị của chị đã lên đến hàng trăm triệu đồng. Rất may, chị có thẻ BHYT nên được Quỹ BHYT chi trả số tiền gần 264 triệu đồng. Chị Tâm chia sẻ: “Đúng là lúc ốm đau mới thấy hết “sự lợi hại” của tấm thẻ bảo hiểm y tế. Nếu không có nó, không biết gia đình tôi phải xoay xở số tiền lớn ấy ra sao nữa. Cũng không thuộc diện dư dả gì nhưng chúng tôi chắc chắn sẽ gắn bó lâu dài với chính sách bảo hiểm nhân văn, ý nghĩa này”⁽²⁾. Ngoài chị T, nhiều người dân khác ở tỉnh Quảng Bình khi tham gia bảo hiểm y tế và được chi trả khám chữa bệnh với số tiền lớn đều có chung nhận định rằng, nếu không có BHYT họ sẽ lâm vào cảnh khốn cùng vì số tiền chữa bệnh rất lớn, tấm thẻ BHYT đối với họ như lá bùa hộ mệnh phòng thân khi ốm đau, bệnh tật.



1. Kể tên các loại hình BHYT mà em biết.
2. Cho biết tác động từ việc tham gia bảo hiểm y tế đến cuộc sống của người dân.

Thông tin:

Nhiều năm qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đã chỉ đạo các cơ quan Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế tỉnh thực hiện tốt các chính sách BHYT, BHXH để giúp người dân giảm thiểu khó khăn trong cuộc sống. Nhận thấy lợi ích từ việc tham gia BHXH, số người tham gia BHXH tự nguyện trên địa bàn tỉnh tăng dần. Nhiều người dân đã có lương hưu để trang trải cuộc sống và an nhàn lúc tuổi già. Theo thống kê của cơ quan BHXH tỉnh, tính đến nay, toàn tỉnh có 805 hồ sơ tham gia BHXH tự nguyện đã được giải quyết chế độ hưu trí, 217 trường hợp đóng BHXH tự nguyện theo phương thức hàng tháng hoặc quý để đủ điều kiện về hưu⁽³⁾. Ngành BHXH tỉnh Quảng Bình tích cực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, như: tổ chức các hội nghị tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHXH tự nguyện; tiếp tục kêu gọi sự đóng góp của cộng đồng xã hội tặng sổ BHXH tự nguyện cho người dân có hoàn cảnh khó khăn, đổi mới chính sách BHXH,... nhằm thu hút nhiều người dân hơn tham gia BHXH tự nguyện, đem lại lợi ích cho nhân dân.

(2) <https://quangbinh.baohiemxahoi.gov.vn>

(3) Theo <https://quangbinh.baohiemxahoi.gov.vn>



1. Trình bày sự hiểu biết của em về BHXH và phân biệt BHXH bắt buộc với BHXH tự nguyện.
2. Theo em, việc người dân tham gia BHXH bắt buộc có cần thiết không? Vì sao?

c. Chính sách trợ giúp xã hội ở tỉnh Quảng Bình

Thông tin:

Hiện tại ở Quảng Bình có 5 cơ sở bảo trợ xã hội, trong đó có 3 cơ sở công lập và 2 cơ sở ngoài công lập đang nuôi dưỡng, chữa trị cho hơn 400 đối tượng bảo trợ xã hội. Các cơ sở này đã phối hợp với các đơn vị, tổ chức để dạy văn hoá, dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp nhằm giúp đối tượng phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần. Hàng năm, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đều ra những quyết định kịp thời về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Các chính sách của tỉnh đã hỗ trợ nhiều người nghèo, trẻ mồ côi và các đối tượng yếu thế khác. Nhiều hình thức hỗ trợ khẩn cấp như: hỗ trợ về lương thực và nhu yếu phẩm; chi phí điều trị bị thương nặng; làm nhà ở, sửa chữa nhà ở; hỗ trợ đối với trẻ em khi cha, mẹ bị chết, mất tích do thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh; hỗ trợ tạo việc làm, phát triển sản xuất;... cho nhân dân đã được thực hiện kịp thời, đem lại nhiều cơ hội tốt cho nhân dân ổn định và phát triển đời sống.



Hình 7.5. Trung tâm Bảo trợ xã hội Quảng Bình triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao



Hình 7.6. Hỗ trợ người lao động Quảng Bình từ các tỉnh phía Nam về quê trong đại dịch Covid-19



Đọc thông tin kết hợp quan sát hình ảnh, trả lời các câu hỏi sau:

1. Theo em, thế nào là chính sách trợ giúp xã hội? Có mấy loại trợ giúp xã hội?
2. Chính sách trợ giúp xã hội có ý nghĩa như thế nào đối với người nghèo, người yếu thế trong xã hội?

3. Theo em, việc các cá nhân, đơn vị hảo tâm quan tâm hỗ trợ đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội đem đến điều gì? Địa phương em đã thực hiện chính sách trợ giúp xã hội như thế nào?



Các chính sách an sinh xã hội ở tỉnh Quảng Bình là các chính sách mà chính quyền đưa ra để trợ giúp cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế (người già cô đơn, người dân tộc thiểu số, trẻ mồ côi, người tàn tật,...) có thêm điều kiện về vật chất vươn lên trong cuộc sống.

Các chính sách an sinh xã hội ở tỉnh Quảng Bình bao gồm: bảo hiểm y tế; bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, chính sách người có công,...

2. Vai trò của chính sách an sinh xã hội đối với người dân Quảng Bình

Đọc thông tin sau kết hợp nghiên cứu các thông tin, hình ảnh, trường hợp trong bài để trả lời câu hỏi:

Thông tin 1:

Đại dịch Covid-19 đã làm cho rất nhiều người lao động ở Quảng Bình bị mất việc làm. Với mục đích hỗ trợ một phần thu nhập cho người lao động bị mất việc; hỗ trợ học nghề; tư vấn, giới thiệu việc làm giúp người lao động, thời gian qua, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Bình và Bảo hiểm xã hội tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với nhau để giải quyết và chi trả trợ cấp thất nghiệp kịp thời, thuận lợi cho người lao động trên địa bàn tỉnh. Chính sách bảo hiểm thất nghiệp tỉnh Quảng Bình thực sự là “chỗ dựa” giúp người lao động vượt qua những khó khăn, thử thách, duy trì cuộc sống, đồng thời giảm áp lực về tài chính cho các nhà sử dụng lao động và giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước.

Thông tin 2.

Là một trong những chính sách trụ cột trong hệ thống các chính sách an sinh xã hội của nước ta, Bảo hiểm y tế là chính sách xã hội có ý nghĩa nhân đạo, chia sẻ cộng đồng cao. Nhờ vào việc tham gia bảo hiểm y tế mà nhiều gia đình nghèo khó ở các huyện trong tỉnh Quảng Bình đã không bị tái nghèo do không phải chi trả các khoản chi phí lớn cho việc khám và chữa bệnh. Chính sách bảo hiểm y tế đã thực sự là chỗ dựa cả về vật chất và tinh thần, giúp người dân có thêm động lực, niềm tin để chiến thắng bệnh tật, hoà nhập lại với cuộc sống.



Hình 7.7. Thăm Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Đỗ Thị Diễm ở xã Hưng Trạch (Bố Trạch)



Hình 7.8. Tăng lương hưu và trợ cấp BHXH hàng tháng
góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống
cho người thụ hưởng chính sách



Hình 7.9. Người nghèo huyện Lệ Thủy có thêm
động lực phát triển kinh tế khi được hỗ trợ bò giống



Hình 7.10. Người khuyết tật được học nghề,
tạo việc làm, góp phần phát triển kinh tế – xã hội



1. Cho biết các chính sách an sinh xã hội được thực hiện sẽ tác động như thế nào đến cuộc sống của người dân?
2. Nêu vai trò của từng chính sách an sinh xã hội trong các thông tin và hình ảnh trên?



Vai trò của chính sách an sinh xã hội:

- Tăng cường cơ hội cho người lao động có việc làm, đảm bảo đời sống cho người lao động và an sinh cho xã hội.
- Mở rộng cơ hội cho người dân tham gia hệ thống chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp để họ có thể chủ động đối phó với những rủi ro trong cuộc sống.

- Thể hiện tinh thần nhân văn, nhân đạo thông qua việc hỗ trợ thường xuyên với những người có hoàn cảnh khó khăn, gặp rủi ro; giúp họ vươn lên trong cuộc sống.
- Giúp người dân tăng cường tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế,...



1. Nêu một số chính sách an sinh xã hội và vai trò của mỗi chính sách đó ở địa phương em theo bảng sau:

STT	Tên chính sách an sinh xã hội	Vai trò của chính sách
1	?	?
...	?	?

2. Nêu trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội tại địa phương em.



- Viết 1 đoạn văn (khoảng 150 từ) nói về vai trò của chính sách an sinh xã hội trong phát triển kinh tế ở địa phương em.**
- Cùng các bạn thiết kế khẩu hiệu tuyên truyền về lợi ích của việc tham gia bảo hiểm y tế.**

Bài 8. SINH THÁI NHÂN VĂN Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

Yêu cầu cần đạt:

- Trình bày được giá trị của sinh thái nhân văn trong một số lĩnh vực tại tỉnh Quảng Bình như: nông nghiệp, phát triển đô thị, bảo tồn và phát triển,...
- Thực hiện được dự án: Điều tra tìm hiểu về một trong các lĩnh vực sinh thái nhân văn tại địa phương.



Tỉnh Quảng Bình có diện tích rừng lớn, độ che phủ rừng cao, trong rừng còn nhiều loại gỗ quý và động vật hoang dã. Trước đây, người dân ở vùng lân cận các khu rừng đặc dụng thường sống phụ thuộc vào rừng khiến rừng bị ảnh hưởng. Tỉnh đã có biện pháp hỗ trợ cho người dân như thành lập nhóm bảo tồn cộng đồng, phát triển du lịch sinh thái ở Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng; hỗ trợ trồng ớt Chỉ Thiên, trồng cây chanh leo, hỗ trợ máy sản xuất nông nghiệp, tập huấn cho bà con sản xuất nông nghiệp, quản lí, bảo vệ rừng ở các địa phương trong tỉnh.



Hình 8.1. Người dân huyện Minh Hoá được hỗ trợ trồng chanh leo hiệu quả



1. Các hoạt động trên có ý nghĩa gì với môi trường thiên nhiên và con người?
2. Chia sẻ thông tin về những hoạt động thể hiện mối quan hệ giữa con người với môi trường thiên nhiên trong phát triển kinh tế – xã hội ở tỉnh Quảng Bình mà em biết.



1. Sinh thái nhân văn

Sinh thái nhân văn là khoa học nghiên cứu dựa trên nguyên tắc quan hệ có hệ thống giữa xã hội loài người (hệ xã hội) với môi trường thiên nhiên (hệ sinh thái). Sinh thái nhân văn không chỉ mở rộng khái niệm sinh thái học mà còn có mối liên hệ của nhiều ngành khoa học khác nhau, góp phần giải quyết được với các vấn đề môi trường ngày càng gia tăng và các hệ thống tự nhiên – xã hội luôn luôn thay đổi.

Giá trị của sinh thái nhân văn là giúp cho con người thấy được những mối quan hệ giữa con người với môi trường; đồng thời cũng giúp cho con người nhận thức sâu sắc về vị trí của con người trong thế giới và suy nghĩ của con người về môi trường.



Sinh thái nhân văn là gì? Tìm hiểu về sinh thái nhân văn mang lại giá trị gì đối với con người?

2. Giá trị của sinh thái nhân văn trong một số lĩnh vực ở tỉnh Quảng Bình

a. Lĩnh vực nông nghiệp

Tỉnh Quảng Bình đã ứng dụng sinh thái nhân văn trong phát triển nông nghiệp bền vững và đã mang lại những giá trị cụ thể như:

– Đánh giá và nhận thức đúng về giá trị của môi trường và thiên nhiên như đất đai, nguồn nước, nguồn gene và giống cây trồng, vật nuôi, vai trò của sinh vật,... trong phát triển nông nghiệp, từ đó có giải pháp bảo vệ và khai thác bền vững thiên nhiên. Tỉnh Quảng Bình đã áp dụng công nghệ dựa trên giá trị sinh thái nhân văn để tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao giá trị sản phẩm như: ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước của Israel; áp dụng quy trình canh tác hữu cơ, thủy canh; ứng dụng hệ thống chuồng trại hiện đại, khép kín, điều hoà nhiệt độ, ẩm độ; tự động hoá trong cung cấp thức ăn, nước uống, áp dụng công nghệ sinh học trong xử lý môi trường ao nuôi và xử lý nước thải sau sản xuất;...

– Tổng hợp, phân tích vấn đề và xác định được các giải pháp toàn diện trong phát triển nông nghiệp để xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nông nghiệp xanh và bền vững. Tỉnh Quảng Bình đã ban hành Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ⁽¹⁾ nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, bản sắc văn hoá bản địa, chuyển tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, hiệu quả và bền vững, phát thải carbon thấp, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

(1) Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kế hoạch số 2510/KH-UBND, năm 2022.



Hình 8.2. Trang trại nuôi lợn công nghệ cao ở huyện Quảng Ninh



Hình 8.3. Vườn cam trồng theo hướng hữu cơ ở huyện Tuyên Hoá

– Thúc đẩy, hỗ trợ nâng cao năng lực và thu nhập cho người nông dân, giúp cải tạo môi trường bị suy thoái trong phát triển nông, lâm, thủy sản. Các mô hình nông nghiệp sinh thái bền vững ứng dụng sinh thái nhân văn ở tỉnh Quảng Bình như mô hình vườn – ao – chuồng, nông, lâm kết hợp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng hàng hoá, chất lượng, ... đã tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

– Huy động mọi nguồn lực từ các ngành nghề, lĩnh vực khác nhau vào giải quyết các vấn đề tồn tại trong nông nghiệp như phát triển nông nghiệp nhỏ lẻ, lạm dụng phân bón hoá học, kháng sinh và hoá chất độc hại dẫn đến sản phẩm nông nghiệp kém chất lượng, không đáp ứng đúng nhu cầu của con người, gây hại cho môi trường, ... Tỉnh Quảng Bình đã huy động các nguồn lực từ các tổ chức quốc tế đến chính quyền địa phương và người dân, huy động sự hợp tác và phát huy tối đa vai trò của các thành phần trong chuỗi cung ứng hàng hoá, trong đó nhà nước đảm bảo chính sách phát triển nông nghiệp bền vững, nhà khoa học đảm bảo giống và quy trình kĩ thuật, nhà nông đảm bảo việc canh tác bền vững và nhà kinh doanh đảm bảo dự báo, điều tiết thị trường ổn định.

b. Lĩnh vực phát triển đô thị

Trong phát triển các đô thị, vấn đề môi trường đóng vai trò quan trọng, cần phải có những biện pháp hợp lí với môi trường, thiên nhiên. Ứng dụng sinh thái nhân văn trong phát triển đô thị mang lại các giá trị như:

– Giúp hiểu rõ giá trị của môi trường và thiên nhiên đối với đô thị thông qua tìm hiểu hậu quả của phát triển đô thị kém bền vững và những tác động tiêu cực của con người lên thiên nhiên, môi trường đô thị. Từ đó đề xuất các giải pháp phát triển đô thị sinh thái và bền vững, giải quyết các vấn đề môi trường và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân đô thị. Xác định đô thị hoá là động lực quan trọng cho phát triển kinh tế – xã hội nhanh và bền vững. Tỉnh Quảng Bình đã ban hành Kế hoạch Phát triển đô thị tăng trưởng

xanh, đô thị thông minh bền vững đến năm 2030 ⁽²⁾ hướng tới khai thác, phát huy các tiềm năng và lợi thế, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực; khai thác tối ưu hiệu quả tài nguyên, con người, nâng cao chất lượng cuộc sống, quản lý phát triển đô thị thông minh; hạn chế rủi ro và nguy cơ với môi trường;...

– Thúc đẩy hợp tác, huy động mọi nguồn lực (cá nhân, tổ chức, các ban ngành, các bên liên quan) để giảm thiểu các vấn đề ô nhiễm môi trường đô thị, quá tải cơ sở hạ tầng trong các đô thị, y tế, giáo dục,... tiến tới xây dựng các đô thị xanh, đô thị sinh thái hay đô thị bền vững. Tỉnh đã hợp tác quốc tế để triển khai 3 công trình thí điểm mô hình dựa vào hệ sinh thái cho khu vực đô thị tại thành phố Đồng Hới: Màng xanh đứng và vườn trên mái tại toà nhà Ban Quản lý Dịch vụ Công ích thành phố; Khu vực cảnh quan trữ nước công viên sông Cầu Rào; Hệ thống thoát nước đô thị bền vững tại ngã ba Bắc Lý, phường Bắc Lý.



Hình 8.4. Công trình thí điểm Màng xanh đứng và vườn trên mái tại toà nhà Ban Quản lý Dịch vụ Công ích thành phố Đồng Hới



Hình 8.5. Hệ thống thoát nước đô thị bền vững tại ngã ba Bắc Lý, thành phố Đồng Hới



Hình 8.6. Công viên sông Cầu Rào được bố trí trồng nhiều cây xanh.



Hình 8.7. Phát triển đô thị tăng trưởng xanh ở tỉnh Quảng Bình

(2) Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kế hoạch số 1542/KH-UBND, năm 2023.

c. Lĩnh vực bảo tồn và phát triển

Đa dạng sinh học có vai trò quan trọng trong hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội và đời sống người dân. Bảo tồn đa dạng sinh học đòi hỏi sự hợp tác của nhiều lĩnh vực khác nhau như hoạch định chính sách, kinh tế, quản lý tài nguyên, giáo dục, cộng đồng dân tộc,... để đề xuất và phát triển các mô hình bảo tồn đa dạng sinh học. Sinh thái nhân văn mang lại các giá trị trong bảo tồn và phát triển như:

– Thúc đẩy thay đổi từ nhận thức đến hành động để bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên và phát triển bền vững. Các hoạt động bảo tồn, phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được điều chỉnh theo hướng bền vững để đảm bảo việc đáp ứng các nhu cầu hợp lý cho người dân ở hiện tại và tương lai, đồng thời giảm thiểu những tác hại lên môi trường và thiên nhiên.

– Giúp lồng ghép các hoạt động bảo tồn và phát triển vào nhau một cách hài hoà. Di sản thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong,... với những giá trị nổi bật về đa dạng sinh học, địa chất,... là lợi thế và trách nhiệm của tỉnh Quảng Bình trong việc gìn giữ và phát huy giá trị Di sản. Tỉnh đã tích cực bảo tồn đa dạng sinh học ở Vườn Quốc gia, Khu dự trữ thiên nhiên, bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống của cộng đồng sống ở vùng lân cận, đồng thời phát triển các loại hình kinh tế sinh thái bền vững như du lịch sinh thái, nông nghiệp sinh thái, lâm nghiệp sinh thái, lâm nghiệp xã hội,... Công tác bảo tồn và phát huy giá trị của Di sản góp phần nâng cao vị thế, thương hiệu của du lịch Quảng Bình trong nước và quốc tế, tạo việc làm cho người dân vùng lân cận, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.



Hình 8.8. Bảo tồn và phát triển
Di sản thiên nhiên thế giới
Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng



Hình 8.9. Bảo tồn kết hợp phát triển du lịch
ở Khu dự trữ thiên nhiên
Động Châu – Khe Nước Trong



1. Đọc thông tin ở mục 2, quan sát các hình từ 8.2 đến 8.9 và trình bày giá trị của sinh thái nhân văn trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển đô thị, bảo tồn và phát triển ở tỉnh Quảng Bình.

Lĩnh vực	Giá trị sinh thái nhân văn	Ví dụ giá trị sinh thái nhân văn ở tỉnh Quảng Bình
Nông nghiệp	?	?
Phát triển đô thị	?	?
Bảo tồn và phát triển	?	?

2. Lựa chọn một lĩnh vực của sinh thái nhân văn ở địa phương và chia sẻ với mọi người về giá trị của lĩnh vực đó.



1. Hoạt động dự án: Điều tra tìm hiểu về một trong các lĩnh vực sinh thái nhân văn tại địa phương

a. Chuẩn bị

- Dụng cụ chụp hình, máy tính, máy chiếu, bài thuyết trình,...
- Tranh ảnh, video clip,... về hệ sinh thái nhân văn điển hình ở địa phương.
- Chia lớp thành 4 – 5 nhóm.
- Nội dung kế hoạch thực hiện dự án.

b. Hướng dẫn thực hiện dự án

* Nội dung:

- Mỗi nhóm đề xuất, lựa chọn một trong các dự án để tìm hiểu về sinh thái nhân văn ở địa phương và thực hiện sản phẩm, gợi ý về một số dự án:
- + *Dự án 1:* Điều tra sinh thái nhân văn trong một mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường ở địa phương.
- + *Dự án 2:* Điều tra sinh thái nhân văn trong một khu đô thị sinh thái ở địa phương.
- + *Dự án 3:* Điều tra sinh thái nhân văn trong phát triển du lịch kết hợp với bảo tồn phát triển Vườn Quốc gia, Khu dự trữ thiên nhiên,... ở địa phương.
- + ...

- Một số định hướng nội dung thực hiện ở mỗi dự án:
- + Lựa chọn đối tượng nghiên cứu và nêu rõ mục đích nghiên cứu.
- + Xây dựng phiếu thu thập kết quả nghiên cứu: phiếu ghi thông tin điều tra về đặc điểm khái quát của hệ sinh thái nhân văn cần nghiên cứu, phiếu ghi kết quả tìm hiểu thực trạng,...
- + Tiến hành đi thực địa, phỏng vấn tìm hiểu về các đặc điểm và hiện trạng của hệ sinh thái, tác động của con người,...
- + Phân tích ưu điểm, hạn chế, giá trị của sinh thái nhân văn ở địa phương.
- + Kết luận, kiến nghị, đề xuất (theo quan điểm cá nhân) về các kết quả đạt được, giải pháp cải thiện hệ sinh thái nhân văn ở địa phương.

*** Lập kế hoạch thực hiện dự án:**

- Mỗi nhóm tiến hành lập kế hoạch thực hiện dự án dựa trên định hướng của giáo viên và nộp cho giáo viên trước khi tiến hành.
- Mẫu kế hoạch thực hiện dự án của học sinh:

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN Nhóm: Tên đề tài:		
Thời gian	Nội dung thực hiện	Người thực hiện
Ngày/ tháng	Thu thập thông tin khái quát về hệ sinh thái ở địa phương	?
?	?	?

*** Thực hiện dự án:** Học sinh thực hiện dự án theo kế hoạch đã lập, giáo viên định hướng, theo dõi, hỗ trợ cho học sinh trong quá trình thực hiện.

*** Xây dựng và báo cáo sản phẩm dự án:**

- Sản phẩm dự án là tập san hoặc bài thuyết trình có thể làm dưới các hình thức khác nhau như bằng phần mềm trình chiếu, video (có thuyết minh hoặc phụ đề),... tăng cường sử dụng hình ảnh, video, sơ đồ,...
- Báo cáo sản phẩm dự án:
- + Các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm đã thực hiện, có thể chọn các hình thức khác nhau: thuyết trình, làm phim khoa học, phỏng vấn hay tổ chức trò chơi,...

- + Nêu cảm nghĩ của bản thân khi tham gia các hoạt động.
- + Các nhóm góp ý, thảo luận về các vấn đề được đặt ra trong các phần báo cáo.
- + Các nhóm đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ trong nhóm mình, các nhóm đánh giá lẫn nhau, bình chọn sản phẩm dự án trong phạm vi lớp, khối lớp,...
- + Giáo viên đánh giá, tổng kết.

2. Kể tên một số mô hình, cách thức sản xuất, biện pháp mà người dân ở địa phương đã góp phần phát huy giá trị và bảo vệ hệ sinh thái, môi trường thiên nhiên theo gợi ý sau:

Mô hình, cách thức sản xuất, biện pháp	Giá trị của sinh thái nhân văn
 Hình 8.10. Hoạt động du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng	Khai thác du lịch sinh thái ở Vườn Quốc gia. Phát triển du lịch sinh thái đã tạo ra nhiều công ăn việc làm cho nhân dân địa phương các xã vùng đệm, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, giảm chặt phá rừng, săn bắt động vật hoang dã,...
?	?

3. Đề xuất ý tưởng của em về những hoạt động nên làm và không nên làm để đưa giá trị sinh thái nhân văn vào hoạt động sản xuất, sinh hoạt,... góp phần bảo vệ môi trường ở địa phương.



Xây dựng kế hoạch và thực hiện hoạt động cụ thể nhằm tuyên truyền và góp phần bảo vệ giá trị sinh thái nhân văn ở địa phương em.

Bài 9. ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

Yêu cầu cần đạt:

- Trình bày được một số nguyên nhân gây biến đổi khí hậu ở tỉnh Quảng Bình.
- Phân tích được các tác động và hậu quả của biến đổi khí hậu ở tỉnh Quảng Bình.
- Giải thích được tầm quan trọng và sự cấp bách của các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Bình.
- Thực hiện được dự án tìm hiểu về ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương.



Biến đổi khí hậu làm gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan như mưa lũ, gây ra sạt lở đất, hư hỏng đường giao thông,... ở tỉnh Quảng Bình (hình 9.1). Những sự biến đổi này có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất, phá huỷ cơ sở hạ tầng, làm mất mát nguồn lực và tài sản, gây tổn hại đến kinh tế Quảng Bình.

Kể tên một số hiện tượng liên quan đến biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến cuộc sống con người ở địa phương em.



Hình 9.1. Tuyến đường giao thông bị hư hỏng do sạt lở núi ở huyện Minh Hoá



1. Biến đổi khí hậu ở tỉnh Quảng Bình

a. Biến đổi khí hậu là gì?

Biến đổi khí hậu là “sự thay đổi trong khí hậu do tác động của con người trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra làm thay đổi cấu tạo của khí quyển toàn cầu và là một trong các nhân tố gây ra những biến động khí hậu tự nhiên trong các giai đoạn nhất định”⁽¹⁾.

(1) Theo Công ước Khung Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu.

Biểu hiện của biến đổi khí hậu được thể hiện thông qua sự gia tăng của nhiệt độ trung bình; băng tan, nước biển dâng; sự gia tăng thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan (bão, lũ lụt, hạn hán,...).

b. Một số nguyên nhân gây biến đổi khí hậu ở tỉnh Quảng Bình

Ngoài nguyên nhân tự nhiên (ảnh hưởng của các dòng hải lưu, hoạt động của các tầng địa chất,...), nguyên nhân gây biến đổi khí hậu. Một số hoạt động của con người làm gia tăng khí nhà kính (như CO_2 , CH_4 , N_2O ,...) bao phủ Trái Đất, giữ lại nhiệt của Mặt Trời, dẫn đến tình trạng nóng lên toàn cầu và biến đổi khí hậu. Ở tỉnh Quảng Bình, một số nguyên nhân dẫn đến biến đổi khí hậu do con người tác động như:



Hình 9.2. Cháy rừng ở huyện Bố Trạch

- Diện tích rừng bị thu hẹp làm gia tăng lượng CO_2 : cháy rừng xảy ra trên địa bàn tỉnh tạo ra lượng lớn CO_2 gây nên hiệu ứng nhà kính. Chất lượng rừng suy giảm làm lượng carbon lưu trữ trong đất cũng giảm theo bởi nó bị thải vào không khí dưới dạng CO_2 .

- Các khu công nghiệp gia tăng, phương tiện giao thông tăng nhanh làm ô nhiễm không khí.

- Chuyển đổi sử dụng đất ảnh hưởng tới khí hậu: Ở Quảng Bình, việc trồng hoa màu trên các loại đất dốc không áp dụng các biện pháp chống xói mòn khiến cho đất chặt cứng và nghèo dinh dưỡng. Ngoài ra, ảnh hưởng của gió và dòng chảy nên cát rất dễ bị di chuyển, gây mất đất trồng trọt vì cát bao phủ, nhiều vùng đất nông nghiệp bị hoang hoá, đất bị bỏ hoang khiến lượng carbon được lưu trữ trong đất giảm đáng kể.

c. Tác động và hậu quả của biến đổi khí hậu ở tỉnh Quảng Bình

Tỉnh Quảng Bình có điều kiện tự nhiên được chia là 4 vùng sinh thái, gồm: Rừng núi, đồi trung du, đồng bằng và vùng cát ven biển. Khí hậu chia làm hai mùa, mùa khô từ tháng 3 đến tháng 8 thường có gió Tây Nam khô nóng kết hợp với thiếu mưa gây hạn hán, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau, thường xuất hiện nhiều đợt mưa lớn và bão gây ra lũ lụt trên diện rộng.

Do vị trí địa lý, đặc điểm về khí hậu và địa hình rất phức tạp, đặc biệt là dưới tác động của biến đổi khí hậu, Quảng Bình là một trong những tỉnh gánh chịu các loại hình thiên tai với tần suất và mức độ lớn nhất trong cả nước. Trong đó, nhiều nhất là bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, rét đậm, rét hại. Biến đổi khí hậu ở tỉnh Quảng Bình gây ra một số tác động, hậu quả đến nhiều khía cạnh như:

– *Tác động đến sụt lở đất:* Biến đổi khí hậu những năm gần đây ngày càng khó lường, gây ra bão, lũ lụt, lốc xoáy, sụt lở đất, sụt lở bờ sông, bờ biển gây nhiều thiệt hại về người và tài sản, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương của tỉnh. Năm 2023, xói lở nghiêm trọng đã xảy ra tại bờ biển phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn, có khoảng 2,5 km bờ biển bị xâm thực mạnh, gần khu dân cư, gây ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân.

– *Tác động đến nông nghiệp:* Nông nghiệp Quảng Bình chịu ảnh hưởng do bão lụt, và những đợt nắng nóng kéo dài kèm theo gió Lào, gây khô hạn, nhiều hồ chứa bị thiếu nước dẫn đến vụ hè – thu nhiều diện tích không gieo cấy được, năng suất cây trồng giảm. Rét đậm, rét hại làm cho lúa, trâu bò, gia cầm bị chết; hoa màu bị thiệt hại;... Tình trạng nhiễm mặn như ở bãi bồi sông Kiến Giang (huyện Lệ Thủy) khiến người dân phải chuyển đổi một phần diện tích từ trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản. Triều cường, ngập lụt ảnh hưởng tới cơ cấu mùa vụ, phải chuyển đổi một số loại hình sản xuất nông nghiệp để thích ứng biến đổi khí hậu như: chuyển đổi trồng dưa, đậu xanh, vùng sang trồng lúa;... Ở huyện Bố Trạch, vùng trung du tưới tiêu bằng các hồ chứa nên khi xảy ra hạn hán sẽ ảnh hưởng đến nguồn nước tưới, khiến sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, năng suất và sản lượng giảm sút. Vùng đồng bằng được các sông, suối cung cấp đủ nước tưới, song nguy cơ ngập lụt cao khi mưa lớn.



Hình 9.3. Bà con gặt lúa chạy lũ ở huyện Lệ Thủy



Hình 9.4. Mưa lớn gây sụt lở đường đê ở huyện Quảng Ninh

– *Tác động đến giao thông, vận tải:* biến đổi khí hậu làm sụt lún, ngập lụt nhiều tuyến đường, gia tăng sụt trượt, xói lở mặt, nền đường gây ách tắc, gia tăng tai nạn giao thông đường bộ,...

– *Tác động đến du lịch:* biến đổi khí hậu cùng với sự xuất hiện ngày càng tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt và mực nước biển dâng làm cho giá trị du lịch các hệ sinh thái san hô, rừng ngập mặn thay đổi, hoặc bị nhấn chìm. Tác động này cũng ảnh hưởng đối với các dạng tài nguyên du lịch khác như các bãi biển, các di tích lịch sử văn hoá,...

– *Tác động đến đời sống con người ven biển:* Khi nước biển dâng, vấn đề giao thông vận tải, sản xuất công nghiệp,... trên các vùng ven biển sẽ có nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới việc làm, thu nhập và tiêu dùng của người dân, điểm này ảnh hưởng gián tiếp tới mức sống, sức khoẻ của người dân.



1. Nêu một số nguyên nhân của biến đổi khí hậu ở tỉnh Quảng Bình.
2. Vì sao quá trình đô thị hoá và công nghiệp hoá góp phần gây nên biến đổi khí hậu?
3. Đọc thông tin mục 1 và quan sát Hình 9.3, 9.4, nêu một số tác động và hậu quả của biến đổi khí hậu ở tỉnh Quảng Bình.

2. Một số biện pháp ứng phó biến đổi khí hậu ở tỉnh Quảng Bình

Trước những tác động và hậu quả do biến đổi khí hậu gây ra ở nhiều lĩnh vực, năm 2022, tỉnh Quảng Bình đã ban hành Chiến lược về biến đổi khí hậu đến năm 2050 với các biện pháp cụ thể nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu như:

– Tăng cường các giải pháp quản lí, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước, chú trọng các vùng có nguy cơ hạn hán, thiếu nước, chịu tác động bất lợi của xâm nhập mặn.

– Xây dựng nông nghiệp thông minh, hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và có giá trị gia tăng cao.

– Tăng cường khả năng phòng hộ của rừng đầu nguồn, rừng ven biển, quản lí bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái.

– Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, chống ngập lụt cho đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng,...

– Tăng cường các giải pháp cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn, miền núi, ven biển, xây dựng và nhân rộng các mô hình của ngành y tế và sức khoẻ cộng đồng nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu,...

– Phát triển các mô hình sinh kế bền vững cho người dân ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu.

– Nâng cao nhận thức về rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu người dân, đặc biệt ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai ⁽²⁾.

(2) Theo Kế hoạch chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, năm 2022

Đến nay, tỉnh Quảng Bình đã triển khai một số mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu như:

– Mô hình thí điểm thích ứng dựa vào hệ sinh thái như trồng rừng phòng hộ ven biển kết hợp phát triển sinh kế ngắn hạn cho cộng đồng ở huyện Quảng Trạch, dự án lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào các hệ sinh thái ở thành phố Đồng Hới. Tỉnh đã triển khai thực hiện các hoạt động dựa vào hệ sinh thái và quản lý rủi ro khí hậu đô thị ở thành phố Đồng Hới như: mô hình biện pháp thích ứng khu vực giữ nước tại công viên Cầu Rào, thí điểm biện pháp mảng xanh đứng cho toà nhà Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố, thí điểm mô hình thoát nước đô thị bền vững tại tỉnh Quảng Bình.

– Nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp thích ứng đã được triển khai, nhân rộng trong toàn tỉnh. Trồng lúa theo phương pháp thâm canh cải tiến (SRI) ứng phó với biến đổi khí hậu là một trong những mô hình bước đầu mang lại hiệu quả cao trên địa bàn các xã thuộc huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Ba Đồn,... Phát triển các mô hình cộng đồng, hợp tác xã nông nghiệp ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, mô hình làng sinh thái, mô hình làng nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình nông thôn mới gắn với bảo vệ môi trường.



Hình 9.5. Khu vực cảnh quan trữ nước công viên sông Cầu Rào thích ứng với biến đổi khí hậu



Hình 9.6. Homestay nhà nổi thích ứng với biến đổi khí hậu ở huyện Minh Hoá



Hình 9.7. Thành phố Đồng Hới nỗ lực vì một đô thị xanh.



Giải thích tầm quan trọng và sự cấp bách của các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh Quảng Bình theo gợi ý sau:

Biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu	Sự cấp bách của biện pháp	Tầm quan trọng của biện pháp
?	?	?
?	?	?



1. Thực hiện dự án: Tìm hiểu về ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương.

a. Đề xuất và lựa chọn hoạt động để xây dựng kế hoạch tìm hiểu về ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương

- Thiết kế tờ rơi, báo tường, diễn kịch, thi biểu diễn thời trang về ứng phó với biến đổi khí hậu.
- Điều tra, phỏng vấn về mô hình ứng phó với biến đổi khí hậu trong nông nghiệp, khu đô thị, ... ở địa phương.
- Thực hiện hoạt động tạo sản phẩm ứng phó với biến đổi khí hậu (trồng và chăm sóc cây xanh, làm các đồ dùng học tập từ vật liệu tái chế, sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, thiết kế mô hình lọc nước, ...).
- Các hoạt động thực hành (trồng và chăm sóc cây xanh, thu gom rác, dọn vệ sinh môi trường, ...).

b. Xây dựng kế hoạch hoạt động

- Nhóm:
- Tên hoạt động:
- Mục tiêu cần đạt:
- Thời gian và địa điểm thực hiện:
- Dự kiến các công việc cần thực hiện (theo trình tự):
- Những điểm cần lưu ý khi thực hiện:

- Chuẩn bị cho hoạt động:
- Phân công nhiệm vụ các thành viên:

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Thành viên thực hiện
1	?	?	?
...	?	?	?

c. Chia sẻ, chỉnh sửa và hoàn thiện kế hoạch

- Các nhóm trình bày kế hoạch.
- Góp ý và chỉnh sửa kế hoạch cho phù hợp với thực tế ở địa phương.

d. Thực hiện kế hoạch

Các nhóm thực hiện theo kế hoạch đã được chỉnh sửa và hoàn thiện.

e. Báo cáo kết quả

- Chia sẻ với các bạn trong lớp kết quả hoạt động của nhóm em.
- Nêu suy nghĩ, cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động.

2. Lựa chọn và chia sẻ về một biện pháp ứng phó biến đổi khí hậu ở địa phương em. Giải thích vai trò, ý nghĩa của biện pháp đó.



Tìm hiểu và luyện tập một số tư thế tự bảo vệ bản thân để phòng, chống bị sét đánh, sạt lở đất, ngập lụt,...

Bài 10. KĨ NĂNG ỨNG PHÓ VỚI MỘT SỐ TÌNH HUỐNG NGUY HIỂM THƯỜNG GẶP TRONG CUỘC SỐNG CHO HỌC SINH Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

Yêu cầu cần đạt:

- Trình bày được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm trong cuộc sống như: khi xảy ra bão lũ, khi gặp tai nạn trên sông, biển,... ở tỉnh Quảng Bình.
- Thực hành được một số kĩ năng ứng phó với tình huống nguy hiểm khi xảy ra bão lũ, khi gặp tai nạn trên sông, biển,...



Ở Quảng Bình hàng năm thường xảy ra thiên tai, bão lũ,... gây thiệt hại về người và của. Nghiên cứu, học tập và thực hành những bài học về kĩ năng sống như kĩ năng chống đuối nước, kĩ năng trú bão an toàn, kĩ năng thoát hiểm khi gặp nạn trên biển,... sẽ giúp các em tránh được những tình huống nguy hiểm. Từ đó bảo vệ sự an toàn cho mình và cho người thân.



Mô tả một tình huống nguy hiểm mà em gặp phải trong cuộc sống. Em đã làm gì khi gặp tình huống đó?



1. Kĩ năng thoát hiểm khi gặp tai nạn trên sông, biển

Tình huống:

Khi đang cùng bố trên tàu đánh bắt cá ở khu vực cửa biển Nhật Lệ, H nhận thấy dấu hiệu của một cơn lốc to có thể sập đến bất cứ lúc nào. Trời đã về chiều, tàu còn cách xa bờ, H và bố rất lo lắng.

Thông tin:

Khi bị rơi xuống sông, biển, có sự xâm nhập đột ngột và nhiều của nước hoặc chất dịch vào đường thở (mũi, miệng, khí phế quản, phổi) làm cho không khí có chứa oxy không thể vào phổi được sẽ gây nên hậu quả đuối nước. Do đó, khi đi trên sông, biển bằng tàu, thuyền, con người cần phải thực hiện các quy tắc sau để đảm bảo an toàn:

- Luôn ghi nhớ lên tàu/ thuyền phải mặc áo phao và quan sát xung quanh (các cửa ra vào, lối đi, lối thoát hiểm,... trên tàu/ thuyền).

- Cần thật bình tĩnh nhận định vấn đề nguy hiểm, phán đoán hậu quả có thể xảy ra, nghe theo chỉ dẫn của người chỉ dẫn và hướng dẫn người đi cùng cùng thoát hiểm.

- Trong trường hợp tàu/ thuyền bị chìm cần thực hiện các kĩ năng sau:

- + Nhanh chóng xem lại áo phao để đảm bảo áo không bị tuột ra khi di chuyển và nhanh chóng tìm cách thoát ra khỏi tàu/ thuyền.

- + Nhìn xung quanh xem có thuyền/ phao cứu sinh hay không? Nếu có phải di chuyển hoặc bơi nhanh đến và bám chắc chắn, đồng thời phải quan sát và phát tín hiệu cầu cứu ra xung quanh. Nếu không có thuyền/ phao cứu sinh cần quan sát kĩ mặt nước xung quanh xem có mẩu gỗ hoặc các vật thể nào nổi gần đó không và nhanh chóng di chuyển đến gần bám chặt vào các vật nổi, không được bỏ qua bất kì vật nổi nào dù chúng nhỏ bé.

- + Nếu trôi nổi trên biển, cần quan sát xung quanh xem có thực phẩm (đồ ăn, nước ngọt,...) trôi gần không và cố gắng thu lượm lấy. Tuyệt đối không uống nước biển mà phải nghĩ cách tìm nước ngọt. Không bỏ qua bất kì loại thực phẩm nào xuất hiện trước mắt, kể cả các loại tôm, cua, cá, rong biển,... vì chúng có thể cho ta nước ngọt và thực phẩm để sống sót.

- + Chú ý quan sát sóng để đề phòng bị sóng đánh lật. Cần giữ cơ thể thẳng bằng và điều khiển hướng trôi của vật cứu sinh.

- + Nếu có người bên cạnh cùng cảnh ngộ, cần động viên, khích lệ nhau vượt qua, trợ giúp nhau và tìm cách phát tín hiệu kêu gọi cầu cứu.

- + Nếu trời tối, cần quan sát ánh đèn sáng trên biển và cố gắng tìm cách di chuyển về phía ánh sáng.



Đọc tình huống, thông tin trên và trả lời các câu hỏi sau:

1. Nếu em là H, em sẽ làm gì để đảm bảo an toàn nếu có giông bão xảy ra bất ngờ trên sông, biển?
2. Nêu các bước để phòng tránh tai nạn nếu gặp mưa giông trên biển.

2. Kỹ năng phòng chống và trú bão an toàn

Thông tin:

Phòng chống bão lũ là việc làm cần thiết đối với mỗi chúng ta khi sống trong vùng khí hậu thường xảy ra mưa bão. Khi bão lũ bất ngờ xảy ra cần phải có các kỹ năng đối phó để tránh những thiệt hại về người và tài sản. Bạn M thực hiện kỹ năng sau đây khi phòng chống bão lũ:

M thường xuyên lên kế hoạch để phòng chống bão lũ như: xác định rõ nơi sinh sống thường xuyên xảy ra bão lũ; xây dựng kế hoạch phòng chống bão lũ kịp thời (phương án di rời người và tài sản, gia cố nhà cửa, gia cố chuồng gia súc, gia cầm, cây cối,...).

Trong mùa mưa lũ M luôn chuẩn bị đủ những đồ dùng thiết yếu trong khoảng 2-3 ngày như: nước sạch; thức ăn; hộp thuốc y tế; Các vật dụng cứu hộ cần thiết như: đèn pin, điện thoại sạc đầy pin, phao cứu nạn, đèn báo hiệu, quần áo, đồ dùng cá nhân,...

M có phương án, xác định nơi trú ẩn an toàn cho bản thân và gia đình như: tìm những ngôi nhà kiên cố, vững chắc để xin ở nhờ nếu có mưa lũ; tìm nơi cao ráo và kiên cố,...

M luôn quan niệm khi có gió lốc, mưa lũ xảy ra cần tránh trú gió lốc, mưa lũ ở các khu vực có nhiều cây cối; nhà cửa có mái che; tránh các khu vực sườn đồi núi dễ gây sạt lở; không trú ẩn trong các ngôi nhà ở gần đồi núi hoặc sông suối.



1. Em có đồng ý với cách ứng phó trên của M để phòng tránh mưa bão, lũ lụt không? Vì sao?
2. Em có cách nào khác để xử lý tình huống nguy hiểm khi bão lũ đến không? Hãy chia sẻ với bạn.
3. Theo em, những vật dụng cần thiết dùng để chống bão lũ phải được bảo quản, giữ gìn như thế nào? Vì sao?



1. Đề xuất các kỹ năng ứng phó khi gặp các tình huống nguy hiểm trên sông, biển theo bảng sau:

STT	Nội dung	Cách ứng phó	Bài học cho bản thân
1	Khi gặp mưa dông trên biển	?	?

2	Khi tàu thuyền có nguy cơ bị lật	?	?
3	Khi tàu thuyền bị chìm	?	?
...	?	?	?

2. Trong khi xảy ra lũ, lụt, bạn H đã có các cách xử lý như dưới đây. Em đồng ý/ không đồng ý với cách xử lý nào của H? Vì sao?

- Khi lũ lụt xảy ra, thường xuyên theo dõi, cập nhật tin tức liên quan đến lũ.
- Ngay lập tức di tản đến khu vực trú ẩn như nơi có nền đất cao hơn như đồi, núi...
- Tránh xa các khu vực bị ngập lụt, ngay cả khi nước đang rút.
- Bơi qua vùng nước chảy xiết để nhanh chóng về nhà.
- Sử dụng các thiết bị chiếu sáng bằng ngọn lửa (như nến, đuốc,...) để tìm kiếm đồ trong không gian hạn chế, khu vực bếp gas,...

3. Thực hành một số kĩ năng ứng phó với tình huống nguy hiểm khi xảy ra bão lũ, gặp tai nạn trên sông, biển theo gợi ý sau:

* Lên kế hoạch và chuẩn bị điều kiện thực hành

- Lên kế hoạch: Có thể lập kế hoạch thực hành theo bảng sau:

Thời gian	Nội dung thực hành	Địa điểm	Dụng cụ thực hành
Thứ ..., ngày ..., tháng ..., năm ...	Thực hành ứng phó với tình huống nguy hiểm khi gặp tai nạn trên sông, biển	Sân tập/ nhà đa năng / bãi biển,...	Áo phao, phao cứu sinh, thuyền cứu sinh,...
?	Thực hành ứng phó với tình huống nguy hiểm khi xảy ra bão lũ	Sân tập/ nhà đa năng,...	Áo phao, đèn pin, túi đồ,...
?	?	?	?

- Phổ biến kế hoạch thực hành.
- Phân công các nhóm chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ trước khi thực hành.

*** Tiến hành thực hành**

- Di chuyển đến địa điểm thực hành.
- Phân công các nhóm bày biện, bố trí, chuẩn bị dụng cụ thực hành.
- Tiến hành thực hành theo nhóm.

*** Rút kinh nghiệm sau buổi thực hành**

- Nhận xét về buổi thực hành: chuẩn bị các điều kiện thực hành; sự tham gia của các nhóm,...
- Rút kinh nghiệm sau thực hành: kinh nghiệm về chuẩn bị dụng cụ thực hành; kinh nghiệm về sự tham gia trong buổi thực hành; kinh nghiệm vận dụng các kĩ năng đã học vào thực hành,...



Thiết kế một cuốn sổ (hoặc lịch để bàn) trong đó có giới thiệu về một số kĩ năng ứng phó với các tình huống nguy hiểm mà em có thể gặp phải.

Thiết kế một phao bơi bằng các dụng cụ tái chế để phục vụ cho các trường hợp lũ lụt, đi tàu thuyền trên sông, biển,... và giới thiệu sản phẩm đến bạn bè của mình.

BẢNG THUẬT NGỮ		
Thuật ngữ	Giải thích	Trang
Đổi mới	Thay đổi hoặc làm cho thay đổi tốt hơn, tiến bộ hơn so với trước, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển	16, 18, 18, 19, 20, 21, 22, 27, 35, 39, 40
Đặc khu	Đơn vị hành chính đặc biệt, có tầm quan trọng riêng về kinh tế, chính trị hoặc quân sự	25
Ứng phó với biến đổi khí hậu	Là hoạt động của con người nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	67, 70, 71, 72
Thời tiết cực đoan	Là các hiện tượng thời tiết xảy ra trái mùa, gây nguy hiểm tới sức khỏe con người, bất ổn về đời sống xã hội nghiêm trọng	67, 69

DANH SÁCH HÌNH ẢNH SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU

Hình	Nguồn	Hình	Nguồn
1.1	https://vnexpress.net	4.1, 8.4	https://baochinhphu.vn
1.2, 1.8, 6.3, 7.1, 7.2, 7.7, 7.8, 7.9, 7.10, 8.2, 8.3, 9.1, 9.3, 9.4, 9.5, 9.7	https://baoquangbinh.vn	4.3	https://baoxaydung.com.vn
1.3, 1.4	https://baophapluat.vn	4.4	https://congly.vn
1.5, 1.6 1.7, 2.6	https://phongnhaexplorer.com	4.5	https://tinhdloan.quangbinh.gov.vn
2.1	https://baotainguyenmoitruong.vn	5.1, 5.2, 5.3	https://chamdocsach.com
2.3	https://bqlkkt.quangbinh.gov.vn	6.4	http://quangbinh.edu.vn
2.4, 6.1, 6.2, 7.3, 7.4, 8.1	https://quangbinh.gov.vn	7.5, 7.6	https://sldtbxh.quangbinh.gov.vn
2.5, 8.8, 8.9	Đức Thành	8.7	https://www.quangbinhtravel.vn
3.1, 3.5, 8.5, 8.6	Ban biên soạn	8.10	https://vtv.vn
3.2	https://svhtt.quangbinh.gov.vn	9.2	https://kinhtemoitruong.vn
3.3	https://vpub.quangbinh.gov.vn	9.6	https://moitruongdulich.vn
3.4	Ảnh tư liệu		

Tập thể tác giả biên soạn xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu, ảnh được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

